

## \* CÁC M C L CH S

- Ngày 10/8/1898 Trường Chuyên nghiệp Hà Nội được thành lập chi u theo Quyết định của phòng Thương mại Hà Nội. Năm 1931 đổi tên thành Trường Kỹ thuật Thành Hà Nội.

- Ngày 29/8/1913 Trường Chuyên nghiệp Hải Phòng được thành lập theo Nghị quyết của Toàn quyền Đông Dương. Năm 1921 đổi tên thành Trường Kỹ thuật Thành Hải Phòng.

- Ngày 15/02/1955 khai giảng khoá I Trường Kỹ thuật Trung cấp I Hải Phòng (2F Quang Trung).

- Năm 1956 khai giảng khoá I Trường Công Nhân Kỹ thuật I Hải Phòng (Phố Máy T Hải Phòng). Trong thời gian chiến tranh chuyển lên Bắc Giang.

- Năm 1962 Trường Kỹ thuật Trung cấp I tuyển sinh vào tạo cao đẳng, đổi tên thành Trường Trung học Công nghệ I, năm 1993 lấy lại tên cũ là Trường Kỹ thuật Thành Hà Nội. Trong thời gian chiến tranh chuyển lên Vĩnh Phúc.

- Năm 1986 Trường Công nhân Kỹ thuật chuyên về xã Minh Khai, huyện T Liêm, Hà Nội.

- Năm 1991 Trường Kỹ thuật Thành Hà Nội chuyển về xã Tây T u, huyện T Liêm, Hà Nội

- Ngày 22/4/1997 Bộ Công nghiệp và Thương mại số 580/Q -TCCB sát nhập 2 trường: Công nhân Kỹ thuật I và Kỹ thuật Thành Hà Nội lấy tên là Trường Trung học Công nghiệp I.

- Ngày 28/5/1999 Quyết định số 126/Q - TTG của Thủ tướng Chính phủ thành lập Trường Cao đẳng Công nghiệp Hà Nội trên cơ sở Trường Trung học Công nghiệp I.

- Ngày 2/12/2005 Thủ tướng Chính phủ ký quyết định số 315/2005 Q /TTG thành lập Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội trên cơ sở Trường Cao đẳng Công nghiệp Hà Nội.

### \* C S V T CH T

- Hiện nay, Nhà trường có 3 cơ sở đào tạo với diện tích gần 50 ha.

+ Cơ sở 1: Xã Minh Khai, T Liêm, TP Hà Nội.

+ Cơ sở 2: Xã Tây T u, T Liêm, TP Hà Nội.

+ Cơ sở 3: Phường Lê Hồng Phong, TP Ph Lý, Tỉnh Hà Nam.

- Học sinh phòng thành lập, thí nghiệm gần 180 phòng với nhiều thí nghiệm hiện đại.

- Các giảng đường, phòng học lý thuyết là 250 phòng

- Hơn 2500 máy vi tính, hệ thống mạng nội bộ toàn trường kết nối Internet phục vụ công tác quản lý và hành chính, dạy học và nghiên cứu khoa học.

- Gần 500 phòng thí nghiệm cho khoảng 5000 học sinh, sinh viên nội trú.

- Hai trung tâm thí nghiệm với trên 280.000 cuốn sách các loại. Thư viện với trên 400 máy tính kết nối Internet.

- Sân vận động, khu vui chơi thể thao, ký túc xá hiện đại, nhà ăn phục vụ cán bộ, giáo viên, HS, SV

### \* L I NG

Trường có cán bộ, viên chức gần 1500, trong đó giảng viên 1300. 65% có trình độ trên đại học (Thạc sĩ và Tiến sĩ). Nhiều Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ và các trường đại học, viện nghiên cứu đang tham gia giảng dạy và nghiên cứu.

### \* PH N TH NG CAO QUÝ

Các phần thưởng cao quý và Nhà n c trao tặng cho Nhà trường:

- Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới

- 02 Huân chương cấp Nhà nước;

- 01 Huân chương cấp Nhà nước;

- 01 Huân chương Chiến công Nhà nước;

- 01 Huân chương Chiến công Nhà nước;

- 11 Huân chương Lao động Nhà nước, Nhà, Bà;

- Nhiều huân chương và bằng khen của Chính phủ, tỉnh liên quan lao động Việt Nam, Trung tâm Thanh Niên Công nhân Hồ Chí Minh, của các Bộ, Ngành Thành phố;

- Nhiều bằng khen và danh hiệu trong ngành, v ngành;

- Trường Công đoàn, Thanh Niên luôn được tặng danh hiệu tiên tiến xuất sắc.



# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## 1. THỰC SỰ

### 1.1. Thực sự chuyên ngành Công nghệ Chế tạo máy

#### 3.1.1. Kiến nghị nghiên cứu

Cập nhật các kiến thức chuyên sâu, các kiến thức công nghệ mới về Công nghệ chế tạo máy và các giải pháp và thiết kế các chi tiết máy, thiết kế máy. Ví dụ về các kiến thức, công nghệ mới trong các lĩnh vực chế tạo sản phẩm cơ khí; khai thác, vận hành các thiết bị cơ khí; tiếp nhận, triển khai và chuyển giao công nghệ, tổ chức, quản lý và chế tạo sản xuất trong các doanh nghiệp sản xuất Cơ khí.

+ Chọn thiết kế, thiết kế hệ thống cơ khí, chi tiết máy, công nghệ thiết kế quá trình công nghệ sản xuất cơ khí (có ứng dụng các giải pháp công nghệ mới);

+ Hướng dẫn khai thác, vận hành các thiết bị cơ khí mới, hiện tại;

+ Nghiên cứu, triển khai, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ cơ khí;

+ Quản lý dự án và triển khai dự án liên quan lĩnh vực cơ khí;

+ Tổ chức, quản lý và điều hành sản xuất;

+ Nghiên cứu khoa học, đào tạo và tái đào tạo;

+ Phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn liên quan ngành học;

+ Giao tiếp và làm việc nhóm.

#### 4.1.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Làm việc tại các cơ sở chế tạo, lắp ráp, bảo trì, bảo dưỡng vận hành thiết bị cơ khí;

- Làm việc trong các phòng công nghệ và nghiên cứu thiết kế sản phẩm cơ khí;

- Quản lý, Giám sát, điều hành sản xuất.

#### 4.1.3. Hình thức thi công tác vụ trong nghiên cứu

- Có khả năng quản lý, điều hành, quản lý sản xuất trong cơ sở sản xuất cơ khí;

- Học tập lên Tiến sĩ.

#### 4.1.4. Thời hạn viên công việc làm sau tốt nghiệp

Học viên sau khi tốt nghiệp có vị trí làm việc chuyên ngành 100%.

#### 4.1.5. Mức lương tối thiểu

Mức lương từ 5 triệu – 20 triệu đồng.



## 2. NỘI DUNG CHÍNH QUY

### 2.1. Kiến thức chuyên ngành Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí

#### 2.1.1. Kiến nghị nghiên cứu

- Tính toán thiết kế các sản phẩm cơ khí (có ứng dụng các giải pháp công nghệ mới)

- Tính toán thiết kế quy trình công nghệ gia công các chi tiết cơ khí, quy trình công nghệ lắp ráp các sản phẩm cơ khí.

- Khai thác, vận hành các thiết bị cơ khí.

- Nghiên cứu, triển khai, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ cơ khí.

- Tổ chức, quản lý và chế tạo sản xuất trong các doanh nghiệp.

- Nghiên cứu khoa học, đào tạo và tái đào tạo.

- Phân tích và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn liên quan ngành học.

- Giao tiếp và làm việc nhóm.



### 2.1.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Kiểm soát, giám sát các công việc thi công, lắp đặt, vận hành và chuyển giao công nghệ, gia công, sản xuất, vận hành các thiết bị khí trong các công ty, nhà máy, xí nghiệp.

- Quản lý, chi tiêu sản xuất các phân xưởng khí.

- Làm việc trong phòng kỹ thuật các công ty, nhà máy, xí nghiệp, các viện nghiên cứu khí...

- Làm công tác giảng dạy, đào tạo thu nhập các kỹ thuật các cơ sở đào tạo.

### 2.1.3. Chức năng nhiệm vụ trong nghề nghiệp

- Có khả năng quản lý, điều hành, mua sắm sản xuất trong các sản xuất khí;

- Học tập lên Thạc sĩ.

### 2.1.4. Trình độ yêu cầu có việc làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm ứng dụng chuyên ngành 99%.

### 2.1.5. Mức lương

Mức lương 3 triệu – 15 triệu đồng.

## 2.2. Kỹ sư ngành Công nghệ kỹ thuật Công nghệ

### 2.2.1. Kiến thức nghề nghiệp

- Thiết kế các hệ thống thiết bị công nghệ khí-thủy khí tích hợp lưu khí nén, máy tính số trong công nghiệp, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tính toán, thiết kế hệ thống.

- Khai thác, vận hành các hệ thống Công nghệ.

- Lắp đặt, bảo trì, sửa chữa các thiết bị Công nghệ.

- Nghiên cứu, triển khai, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ Công nghệ.

- Tổ chức, quản lý và chi tiêu sản xuất trong các doanh nghiệp.

### 2.2.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Kiểm tra thi công tại phòng thi công các doanh nghiệp sản xuất khí, Công nghệ.

- Quản lý kỹ thuật, sản xuất các phân xưởng.

- Quản lý kỹ thuật các doanh nghiệp kinh doanh thiết bị khí, thủy khí.

- Cán bộ nghiên cứu tại các viện, trung tâm nghiên cứu.

- Cán bộ giảng dạy tại các cơ sở đào tạo nghề, trường chuyên nghiệp (sau khi đã tốt nghiệp và có bằng).

### 2.2.3. Chức năng nhiệm vụ trong nghề nghiệp

- Có khả năng Tổ chức, quản lý và chi tiêu sản xuất trong các doanh nghiệp.

- Học tập lên Thạc sĩ.

### 2.2.4. Trình độ yêu cầu có việc làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm ứng dụng chuyên ngành 99%.

### 2.2.5. Mức lương

Mức lương 3 triệu – 10 triệu đồng.

## 2.3. Kỹ sư ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô

### 2.3.1. Kiến thức nghề nghiệp

- Thiết lập các quy trình sửa chữa các hệ thống trên xe ô tô.

- Xây dựng kế hoạch, lập dự án phát triển sản xuất; tham gia tổ chức, điều hành và chi tiêu sản xuất các trang thiết bị công nghệ ứng dụng công nghệ các hoạt động kỹ thuật có liên quan đến lĩnh vực ô tô.

- Tính toán thiết kế, lắp ráp trạm bơm hành và sửa chữa ô tô.

- Vận hành, khai thác, bảo trì, bảo dưỡng ô tô và các thiết bị liên quan.

- Tổ chức, triển khai và thực hiện chuyển giao công nghệ.

### 2.3.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp



- K s ch o, th c hi n các công vi c thi t k , s a ch a, v n hành b o tri và các l nh v c d ch v k thu t, kinh doanh ô tô, thi t b ng l c trong các doanh nghi p, tr m b o hành ô tô.
  - Làm vi c trong phòng k thu t c a các công ty, doanh nghi p, các Vi n nghi n c u thu c chuyên ngành ô tô.
  - Gi ng d y chuyên ngành c khí Ô tô trong các tr ng: Cao ng, Trung c p chuyên nghi p, Cao ng ngh , Trung c p ngh .
- 2.3.3. C h i th ng ti n trong ngh nghi p
- Có kh n ng T ch c, qu n lý và ch o s n xu t trong các doanh nghi p.
  - H c ti p lên Th c s .
- 2.3.4. T l h c viên có vi c làm sau t t nghi p
- Sinh viên sau khi t t nghi p có vi c làm ứng chuyên ngành 99% .
- 2.3.5. M c l ng t c
- M c l ng t 3 tri u – 10 tri u ng.

## 2.4. K s ngành Công ngh k thu t i n, i n t (Chuyên ngành: Công ngh KT i n)

- 2.4.1. K n ng ngh nghi p
- Tham gia tr c ti p các quá trình: S n xu t và truy n t i i n n ng, Trang b i n, thi t b i n, i u khi n l p trình, i u khi n máy i n,
  - B o tri b o d ng, s a ch a, l p t các máy công nghi p trong l nh v c k thu t i n.
  - Qu n lý và i u hành ho t ng c a t s n xu t, b o d ng chuyên ngành i n.
  - Khai thác v n hành các máy móc, s a ch a thay th các m ch i n - i n t trong công nghi p.
  - Phân tích quá trình s n xu t và các m i quan h k thu t – công ngh c ng nh ho t ng c a các thi t b , các dây truy n s n xu t trong các nhà máy xí nghi p công nghi p.
- 2.4.2. V trí làm vi c sau khi t t nghi p
- K s ch o, th c hi n các công vi c thi t k , s a ch a, v n hành b o trì h th ng i n.
  - Làm vi c trong phòng k thu t, b ph n c i n.
  - Qu n lý t s n xu t, b o trì h th ng thi t b i n.
  - Làm vi c trong các Vi n nghi n c u chuyên ngành i n.
  - Gi ng d y chuyên ngành i n trong các tr ng: Cao ng, Trung c p chuyên nghi p, Cao ng ngh , Trung c p ngh .
- 2.4.3. C h i th ng ti n trong ngh nghi p
- Có kh n ng T ch c, qu n lý và ch o s n xu t, kinh doanh trong các doanh nghi p.
  - H c ti p lên Th c s .
- 2.4.4. T l h c viên có vi c làm sau t t nghi p
- Sinh viên sau khi t t nghi p có vi c làm ứng chuyên ngành 97% .
- 2.4.5. M c l ng t c
- M c l ng t 3 tri u – 10 tri u ng.

## 2.5. K s ngành Công ngh k thu t i u khi n và t ng hóa

- 2.5.1. K n ng ngh nghi p
- Có kh n ng v n hành, b o tri, b o d ng các h th ng và các dây truy n i u khi n t ng;
  - Thi t k h th ng, v n hành h th ng
  - B o trì, duy tu, b o d ng h th ng
  - T ch c ch o, và giám sát thi công các h th ng i u khi n
  - T nghi n c u, ào t o và t ch c hu n luy n chuyên ngành cho nhân viên k thu t.
  - K n ng qu n lý, t ch c s n xu t
  - K n ng làm vi c nhóm.
  - K n ng phân tích và gi i quy t các v n c a th c ti n.
- 2.5.2. V trí làm vi c sau khi t t nghi p
- K s m nh n các công vi c thi t k và xây d ng các d án phát tri n và ng d ng K thu t i u khi n và T ng hóa trong các l nh v c công nghi p, kinh t và xã h i.
  - Làm vi c trong các vi n nghi n c u và chuy n giao công ngh , trong các nhà máy xí nghi p v i t cách là cán b k thu t, k s thi t k ho c v n hành b o d ng.

- Làm nhiệm vụ chuyên gia công nghệ, huấn luyện ào t o cho nhân viên và công nhân kỹ thuật.
  - Giảng dạy các trình độ Cao đẳng, TCCN và ào t o nghề.
- 2.5.3. Chức vị công tác trong ngành nghề nghiệp
- Có khả năng Tổ chức, quản lý và chi ếu sản xuất, kinh doanh trong các doanh nghiệp.
  - Học tập lên Thạc sĩ.
- 2.5.4. Trình độ chuyên môn có vị trí làm sau tốt nghiệp
- Sinh viên sau khi tốt nghiệp có vị trí làm ứng dụng chuyên ngành 97%.
- 2.5.5. Mức lương tối thiểu
- Mức lương từ 3 triệu – 15 triệu đồng.

## 2.6. Kỹ sư ngành Công nghệ kỹ thuật nhiệt

### 2.6.1. Kiến thức chuyên ngành

- Tham gia trực tiếp các quá trình chế tạo, lắp đặt, bảo trì hệ thống thiết bị lạnh, điều hòa không khí, lò hơi, máy lạnh.
- Bảo trì bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt hệ thống nhiệt.
- Tính toán, thiết kế, chế tạo các thiết bị lạnh, điều hòa không khí, các hệ thống sấy, lò hơi, máy lạnh...
- Lắp đặt quy trình vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa các thiết bị lạnh, điều hòa không khí, các hệ thống sấy, lò hơi, máy lạnh...
- Quản lý và điều hành hoạt động các sản phẩm, bảo dưỡng chuyên ngành điện.
- Khai thác vận hành các máy móc, sửa chữa thay thế các mạch điện - điện tử trong công nghiệp.
- Phân tích quá trình sản xuất và các mối quan hệ kỹ thuật – công nghệ, hoạt động của các thiết bị, dây chuyền sản xuất trong các nhà máy xí nghiệp công nghiệp.

### 2.6.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Kỹ sư chuyên môn chi ếu công nghệ thiết kế các công việc thiết kế, sửa chữa, vận hành bảo trì hệ thống nhiệt - lạnh, điều hòa, lò hơi, máy lạnh
- Làm việc trong phòng kỹ thuật, bộ phận chi ếu của các nhà máy, xí nghiệp có hệ thống nhiệt - lạnh dân dụng và công nghiệp
- Quản lý sản phẩm, bảo trì hệ thống thiết bị nhiệt - lạnh.
- Làm việc trong các Viện nghiên cứu chuyên ngành nhiệt - lạnh.
- Giảng dạy chuyên ngành nhiệt - lạnh trong các trình độ: Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề.

### 2.6.3. Chức vị công tác trong ngành nghề nghiệp

- Có khả năng Tổ chức, quản lý và chi ếu sản xuất, kinh doanh trong các doanh nghiệp.
- Học tập lên Thạc sĩ.

### 2.6.4. Trình độ chuyên môn có vị trí làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có vị trí làm ứng dụng chuyên ngành 97%.

### 2.6.5. Mức lương tối thiểu

Mức lương từ 3 triệu – 15 triệu đồng.

## 2.7. Kỹ sư ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông (Chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật điện tử)

### 2.7.1. Kiến thức chuyên ngành

- Phân tích, đánh giá và đưa ra phương án xử lý các sự cố, nguyên nhân của các thiết bị, hệ thống điện tử, điện tử, điều kiện môi trường: Âm thanh, TV, máy tính cá nhân, các loại dây chuyền sản xuất công nghiệp, các hệ thống an ninh, camera, ...
- Tính toán, thiết kế, chế tạo, kiểm tra, bảo trì, sửa chữa các thiết bị, hệ thống điện tử, điện tử, điều kiện môi trường: hệ thống an ninh, dây chuyền sản xuất công nghiệp, máy tính, các thiết bị cân, điện tử, ...
- Phân tích cấu trúc, chức năng và nguyên lý hoạt động của các thiết bị, hệ thống điện tử, điện tử, điều kiện môi trường.



t thông qua s nguyên lý, s u n i và ho t ng c a thi t b , h th ng.

- L p t, v n hành c các thi t b , h th ng i n t .
- Hàn, tháo/ráp linh k i n và l p ráp các s n ph m i n t .
- T ch c, tri n khai và th c hi n chuy n giao công ngh .
- Giao ti p và làm vi c nhóm.

#### 2.7.2. V trí làm vi c sau khi t t nghi p

- K s m nh n các công vi c thi t k , s a ch a, v n hành h th ng i n t , i u khi n t ng, vi n thông t i các c s s n xu t i n t , vi n thông.
- Làm vi c trong phòng k thu t c a các c s s n xu t, l p ráp, b o hành thi t b i n t , vi n thông và t ng hóa.
- Qu n lý nhóm s n xu t, b o trì h th ng thi t b i n t , i u khi n t ng, thi t b vi n thông
- Làm vi c trong các Vi n nghiê n c u chuyên ngành i n t , vi n thông.
- Gi ng d y chuyên ngành i n t , Vi n thông, i u khi n t ng cho các h Cao ng, Trung c p chuyên nghi p, Cao ng ngh và Trung c p ngh .

#### 2.7.3. C h i th ng ti n trong ngh nghi p

- Qu n lý s n xu t kinh doanh và l p d án.
- H c ti p lên Th c s .

#### 2.7.4. T l h c viên có vi c làm sau t t nghi p

Sinh viên sau khi t t nghi p có vi c làm úng chuyên ngành 97%.

#### 2.7.5. M c l ng t c

M c l ng t 3 tri u – 10 tri u ng.

### 2.8. K s ngành Công ngh k thu t i n t , truy n thông (Chuyên ngành: Công ngh k thu t i n t tin h c)

#### 2.8.1. K n ng ngh nghi p

- Phân tích, ánh giá và a ra ph ng án x lý các s c , h ng hóc c a các thi t b , h th ng i n , i n t , i u khi n t ng: máy tính cá nhân và công nghi p, các lo i dây chuy n s n xu t công nghi p, các h th ng an ninh, c m bi n, ....
- Tính toán, thi t k , ch t o, ki m tra, b o trì, s a ch a các thi t b , h th ng i n , i n t , i u khi n t ng: h th ng an ninh, dây chuy n s n xu t công nghi p, m ng máy tính, các thi t b cân, o i n t , ....
- Phân tích c c u trúc, ch c n ng và nguyên lý ho t ng c a các thi t b , h th ng i n , i n t , i u khi n t ng thông qua s nguyên lý, s u n i và ho t ng c a thi t b , h th ng.
- L p t, v n hành c các thi t b , h th ng i n t .
- Hàn, tháo/ráp linh k i n và l p ráp các s n ph m i n t .
- Qu n tr h th ng m ng c c b trong c quan, doanh nghi p.
- Bi t x lý các tình hu ng ph c t p trên h th ng i n t , tin h c
- Phân tích và gi i quy t các v n n y sinh trong th c ti n c a ngành h c.
- T ch c, tri n khai và th c hi n chuy n giao công ngh .
- Giao ti p và làm vi c nhóm.
- Qu n lý s n xu t kinh doanh và l p d án.

#### 2.8.2. V trí làm vi c sau khi t t nghi p

- K s m nh n các công vi c thi t k , s a ch a, v n hành h th ng i n t , tin h c, i u khi n t ng, vi n thông t i các c s s n xu t i n t , tin h c, vi n thông.
- Làm vi c trong phòng k thu t c a các c s s n xu t, l p ráp, b o hành thi t b i n t , tin h c, vi n thông và t ng hóa.
- Qu n lý nhóm s n xu t, b o trì h th ng thi t b i n t , tin h c, i u khi n t ng, thi t b vi n thông
- Làm vi c trong các Vi n nghiê n c u chuyên ngành i n t , tin h c, vi n thông.
- Tham gia làm vi c trong các lnh v c công ngh thông tin và phát thanh truy n hình nh : th c hi n ch ng trình phát thanh, ch ng trình truy n hình, qu n tr m ng.
- Có kh n ng làm vi c t i các ài phát thanh truy n hình, các công ty truy n thông, công ty ph n m m, các công ty l p ráp và phân ph i thi t b tin h c; qu n tr m ng t i các công ty và xí nghi p.

- Giảng dạy chuyên ngành internet, Tin học cho các học Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng nghề và Trung cấp nghề.

2.8.3. Chức năng nhiệm vụ trong nghề nghiệp

- Quản lý sản xuất kinh doanh và lập dự án.

- Hỗ trợ lên Thị trường.

2.8.4. Trình độ viên có vị trí làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có vị trí làm ứng dụng chuyên ngành 97%.

2.8.5. Mức lương tối thiểu

Mức lương từ 3 triệu – 10 triệu đồng.

## 2.9. Kỹ sư ngành Công nghệ Kỹ thuật Internet, truyền thông (Chuyên ngành: Công nghệ Kỹ thuật Internet và Truyền thông)

2.9.1. Kiến thức nghề nghiệp

- Phân tích, đánh giá và lập báo cáo dự án xử lý các sự cố, hỏng hóc của các thiết bị, hệ thống internet, internet và truyền thông: Ampli, TV, máy tính cá nhân, các loại dây chuyền sản xuất công nghiệp, các hệ thống internet, ....

- Tính toán, thiết kế, chế tạo, kiểm tra, bảo trì, sửa chữa các thiết bị, hệ thống internet, internet và truyền thông: hệ thống an ninh, dây chuyền sản xuất công nghiệp, mạng máy tính, thiết bị internet, ....

- Phân tích cấu trúc, chức năng và nguyên lý hoạt động của các thiết bị, hệ thống internet, internet và truyền thông qua sơ đồ nguyên lý, sơ đồ nguyên tử và hoạt động của thiết bị, hệ thống.

- Lắp đặt, vận hành các thiết bị, hệ thống internet và truyền thông.

- Hàn, tháo/ráp linh kiện và lắp ráp các sản phẩm internet dân dụng và internet và truyền thông.

- Thiết kế, triển khai và thực hiện chuyên gia công nghệ.

- Giao tiếp và làm việc nhóm.

2.9.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Kỹ sư quản lý các công việc thiết kế, sửa chữa, vận hành hệ thống internet, internet và truyền thông, internet và truyền thông.

- Làm việc trong phòng kỹ thuật của các sản phẩm sản xuất, lắp ráp, bảo hành thiết bị internet, internet và truyền thông.

- Quản lý nhóm sản xuất, bảo trì hệ thống thiết bị internet, internet và truyền thông, thiết bị internet và truyền thông.

- Làm việc trong các Viện nghiên cứu chuyên ngành internet, internet và truyền thông.

- Giảng dạy chuyên ngành internet, Truyền thông, internet và truyền thông cho các học Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng nghề và Trung cấp nghề.

2.9.3. Chức năng nhiệm vụ trong nghề nghiệp

- Quản lý sản xuất kinh doanh và lập dự án.

- Hỗ trợ lên Thị trường.

2.9.4. Trình độ viên có vị trí làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có vị trí làm ứng dụng chuyên ngành 97%.

2.9.5. Mức lương tối thiểu

Mức lương từ 3 triệu – 10 triệu đồng.

## 2.10. Kỹ sư ngành Công nghệ Kỹ thuật Internet, truyền thông (Chuyên ngành: Công nghệ Kỹ thuật Internet và Truyền thông)

2.10.1. Kiến thức nghề nghiệp

- Có khả năng thiết kế, lắp đặt, sửa chữa các linh kiện liên quan: internet, internet, vi xử lý và các bộ vi xử lý khi trình cho các dây chuyền sản xuất, các máy công nghiệp dùng bộ vi xử lý bán dẫn công nghệ hiện đại trong công nghiệp và trong các nhà máy sản xuất.

- Kỹ sư chuyên ngành 'công nghệ kỹ thuật internet - truyền thông' trang bị các kiến thức về linh kiện internet nên có khả năng thiết kế, chế tạo và lắp ráp các mạch internet và vi mạch internet bao gồm các bộ vi xử lý và các linh kiện internet có các mô-đun sản phẩm hoặc Modul internet theo yêu cầu, chuyên ngành này cũng trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng lập trình chọn các bộ vi xử lý, các bộ vi xử lý khi trình dùng trong công nghiệp như các bộ LOGO, PLC.



- Kỹ sư chuyên ngành 'công nghệ kỹ thuật điện - tin' có trang bị các kiến thức và kỹ năng vận hành, sửa chữa, thay thế các thiết bị logic và các cấu trúc hành trong các dây chuyền sản xuất công nghệ: các thiết bị logic/tần số trong nhà máy công nghiệp và trong hệ thống điện (Relay, công tắc, máy cắt logic...vv), các thiết bị bảo vệ logic: Cầu chì, Automát, Relay nhiệt...vv, các loại logic dùng trong công nghiệp.

- Kỹ sư chuyên ngành 'công nghệ kỹ thuật điện - tin' có trang bị các kiến thức và kỹ năng vận hành, sửa chữa, thay thế các loại cảm biến, các bộ biến tần, các hệ truyền động dùng logic, hệ truyền động dùng khí nén hoặc dùng thủy lực trong các máy móc công nghiệp và các dây chuyền sản xuất.

- Có khả năng làm việc theo nhóm.

#### 2.10.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Kỹ sư chuyên ngành 'công nghệ kỹ thuật điện - tin' làm nhiệm vụ công việc thiết kế, lắp đặt, trang bị điện - tin - điện tử trong các nhà máy sản xuất công nghiệp, trong ngành điện, xử lý chất thải, các công ty nước ngoài làm việc các lĩnh vực này.

- Làm việc trong các phòng kỹ thuật và lĩnh vực điện - tin - điện tử của các công ty sản xuất công nghiệp như: xi măng, mía đường, sữa, giấy, bia, các nhà máy nước, sản xuất gạch, các công ty sản xuất các thiết bị điện - tin, bưu điện, ngân hàng và các công ty có liên quan đến lĩnh vực này như dầu khí, than...vv.

- Có thể làm sự trợ lý của các thiết bị điện - tin - điện tử trong các khách sạn, các trung tâm thương mại, các bệnh viện, ngành du lịch công nghệ tòa nhà thông minh.

- Làm kỹ sư thiết kế liên quan đến lĩnh vực điện - tin - điện tử trong các tập đoàn các công ty xây dựng.

- Làm việc trong các viện nghiên cứu, thiết kế liên quan đến lĩnh vực điện - tin - điện tử.

- Giảng dạy trong các trường cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, cao đẳng nghề, trung cấp nghề liên quan đến lĩnh vực điện - tin - điện tử.

#### 2.10.3. Chức năng trong nghề nghiệp

- Kỹ sư chuyên ngành 'công nghệ kỹ thuật điện - tin' có trang bị các kiến thức và kỹ năng liên quan đến các lĩnh vực điện - tin - điện tử nên có trách nhiệm chức năng thiết kế trong nghề nghiệp và trong vận hành có thể làm nhiệm vụ sau khi làm việc như: kỹ sư trưởng, trưởng phòng kỹ thuật, phó giám đốc kỹ thuật và giám đốc kỹ thuật trong các nhà sản xuất và trong các lĩnh vực liên quan.

- Có chức năng thiết kế công nghệ cao nhất tiên tiến về các dây chuyền và các máy móc điện tử.

- Có chức năng tiếp cận với công nghệ mới nhất của các nước phát triển để làm việc trong các hãng sản xuất và lĩnh vực điện - tin - điện tử của thế giới.

- Hướng tiếp cận thị trường.

#### 2.10.4. Thời hạn có việc làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm ứng dụng chuyên ngành 97%.

#### 2.10.5. Mức lương tối thiểu

Mức lương từ 3 triệu - 10 triệu đồng.

### 2.11. Kỹ sư ngành Khoa học máy tính

#### 2.11.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Thiết kế, xây dựng, vận hành, bảo trì và phát triển hệ thống thông tin cho các cơ quan, trường học, doanh nghiệp.

- Sử dụng thành thạo các hệ thống cơ sở dữ liệu thông dụng, các ngôn ngữ lập trình cơ bản và hiện đại áp dụng thay đổi nhanh chóng của khoa học công nghệ.

- Thiết kế, triển khai và quản lý các dự án phần mềm tại các công ty tin học. Áp dụng một cách chuyên nghiệp và hiệu quả các quy trình xây dựng phần mềm...

- Xây dựng, phát triển và duy trì hành trình đào tạo tin học, hệ thống học tập trực tuyến (e-learning) cho các tổ chức có ngành công nghệ thông tin.

- Xuất, phân bổ và vận hành các văn bản thu nhập công nghệ thông tin.

- Tham khảo, nghiên cứu và phát triển các phần mềm mã nguồn mở cho từng ngành nghề, địa phương và pháp tiếp cận công nghệ mới phù hợp với môi trường, lĩnh vực hoạt động.

- Tham gia nghiên cứu và giảng dạy công nghệ thông tin các bậc phù hợp.

- Phân tích, tổng hợp, đánh giá và đưa ra những giải pháp cho những tình huống thực tế.

- Thiết kế và quản lý các hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong lĩnh vực công nghệ thông tin.



### 2.11.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Trách nhiệm chính của các hoạt động phát triển phần mềm, thiết kế website, gia công phần mềm... tại các công ty phần mềm
- Tổ chức, quản lý các cơ sở cung cấp các dịch vụ Công nghệ thông tin như phân phối và bảo trì phần mềm và các thiết bị máy tính; Tổ chức thiết kế các giải pháp vận hành, các giải pháp công nghệ thông tin cho doanh nghiệp.
- Tham gia hoặc quản lý các bộ phận vận hành và phát triển công nghệ thông tin của các cơ quan, nhà máy, trường học, ngân hàng... các doanh nghiệp có ngành công nghệ thông tin.
- Giảng dạy chuyên ngành Công nghệ thông tin tại các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp,
- Thiết kế các nhiệm vụ có liên quan tới các Viện nghiên cứu và chuyển giao công nghệ thu nhập trong công nghệ thông tin.

### 2.11.3. Chức năng trong nghề nghiệp

- Quản lý điều hành các công ty phần mềm và thiết bị công nghệ thông tin.
- Hỗ trợ lên trình Thủ tục.

### 2.11.4. Tỷ lệ học viên có việc làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm ứng dụng chuyên ngành 97%.

### 2.9.5. Mức lương tối thiểu

Mức lương từ 3 triệu – 10 triệu đồng.

## 2.12. Kỹ sư ngành Hệ thống thông tin

### 2.12.1. Kiến nghề nghiệp

- Thiết kế, xây dựng, vận hành, bảo trì và phát triển hệ thống thông tin cho các cơ quan, trường học, doanh nghiệp. Sản phẩm thành thạo các hệ thống cơ sở dữ liệu thông dụng...
- Thiết kế thiết kế, đánh giá và tối ưu hóa cơ sở dữ liệu quan hệ.
- Thiết kế, xây dựng và triển khai hệ quản trị cơ sở dữ liệu.
- Khai thác dữ liệu lớn.
- Ứng dụng và xây dựng hệ thống thông tin an ninh.
- Thiết kế hệ thống hạ tầng mạng và ứng dụng công nghệ thông tin.
- Thiết kế các hệ thống thông minh (hệ hỗ trợ quyết định, hệ chuyên gia...).
- Tham gia nghiên cứu và giảng dạy công nghệ thông tin các trình độ phù hợp.



### 2.12.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Trách nhiệm chính của các hoạt động phát triển phần mềm, thiết kế website, gia công phần mềm... tại các công ty phần mềm.
- Tổ chức, quản lý các cơ sở cung cấp các dịch vụ Công nghệ thông tin như phân phối và bảo trì vận hành phần mềm và các thiết bị máy tính;
- Chuyên gia tổ chức thiết kế các giải pháp vận hành, phát triển hệ thống thông tin, Quản trị cơ sở dữ liệu.
- Tham gia hoặc quản lý các bộ phận vận hành và phát triển công nghệ thông tin, Quản trị dữ liệu của các cơ quan, nhà máy, trường học, ngân hàng... các doanh nghiệp có ngành công nghệ thông tin.
- Giảng dạy chuyên ngành Công nghệ thông tin tại các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các cơ sở đào tạo CNTT.
- Thiết kế các nhiệm vụ có liên quan tới các Viện nghiên cứu và chuyển giao công nghệ thu nhập trong công nghệ thông tin.

### 2.12.3. Chức năng trong nghề nghiệp

- Quản lý điều hành các công ty phần mềm và thiết bị công nghệ thông tin.
- Hỗ trợ lên trình Thủ tục.

### 2.12.4. Tỷ lệ học viên có việc làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm ứng dụng chuyên ngành 97%.

### 2.12.5. Mức lương tối thiểu

Mức lương từ 3 triệu – 10 triệu đồng.

## 2.13. Kỹ sư ngành Kỹ thuật phần mềm

### 2.13.1. Kiến nghề nghiệp

- Thi t k , xây d ng, v n hành, b o tri và phát tri n h th ng thông tin cho các c quan, tr ng h c, doanh nghi p. S d ng thành th o các h th ng c s d li u thông d ng...
- T ch c qu n lý phát tri n m t d án ph n m m hoàn ch nh theo các quy trình chu n.
- a ra các gi i pháp, các s n ph m ph n m m phù h p cho các t ch c.
- Th c hi n vi c t ch c, qu n lý m b o ch t l ng cho m t h th ng ph n m m.
- Xây d ng, ch nh s a và phát tri n ph n m m d a trên các công c l p trình, phân tích, ánh giá yêu c u c a d án, a ra gi i pháp ti p c n công ngh m i.
- Bi t áp d ng các chu n, các công c và thành ph n ph n m m s n có phát tri n các d án phù h p cho khách hàng.
- Xây d ng, phát tri n và i u hành ch ng trình ào t o tin h c, h th ng h c t p tr c tuy n (e-learning) cho các t ch c có ng d ng công ngh thông tin.
- xu t, ph n bi n và t v n các v n thu c l nh v c công ngh thông tin.
- Tham gia nghiê n c u và gi ng d y công ngh thông tin các trình phù h p.

#### 2.13.2. V trí làm vi c sau khi t t nghi p

- Tr c ti p th c hi n các ho t ng phát tri n ph n m m, thi t k website, gia công ph n m m...t i các công ty ph n m m.
- Qu n lý các nhóm th c hi n các d án v phát tri n ph n m m
- T ch c, qu n lý các c s cung c p các d ch v v Công ngh thông tin nh phân ph i và b o tri ph n m m và các thi t b máy tính;
- Chuyên gia t v n thi t k các gi i pháp v công ngh thông tin
- Tham gia ho c qu n lý các b ph n v n hành và phát tri n công ngh thông tin trong các doanh nghi p có ng d ng công ngh thông tin.
- Gi ng d y chuyên ngành Công ngh thông tin t i các tr ng cao ng, trung h c chuyên nghi p và các c s ào t o v CNTT.
- Th c hi n các nhi m v có liên quan t i các Vi n nghiê n c u và chuy n giao công ngh thu c l nh v c công ngh thông tin.

#### 2.13.3. C h i th ng ti n trong ngh nghi p

- Qu n lý i u hành các công ty ph n m m và thi t b công ngh thông tin.
- H c ti p lên trình Th c s .

#### 2.13.4. T l h c viên có vi c làm sau t t nghi p

Sinh viên sau khi t t nghi p có vi c làm ứng chuyên ngành 97% .

#### 2.13.5. M c l ng t c

M c l ng t 3 tri u – 10 tri u ng.

### 2.14. C nhâ n ngành K toán

#### 2.14.1. K n ng ngh nghi p

- Bi t t ch c công tác k t toán trong Doanh nghi p
- T ng h p s li u l p các báo cáo k toán
- Phân tích s li u k toán, tài chính c a doanh nghi p xu t các gi i pháp lãnh o doanh nghi p ra quy t nh qu n lý chính xác
- L p các báo cáo t ng h p v tài chính, kh n ng huy ng v n, s d ng các ngu n v n.
- So n th o v n b n, àm phán, di n thuy t và ng x giao ti p
- Thành th o vi c l p d toán ngân sách trong doanh nghi p.
- Có kh n ng xây d ng các ph ng án huy ng v n, s d ng v n, u t v n trong doanh nghi p t hi u qu cao.
- S d ng thành th o ph n m m k toán.

#### 2.14.2. V trí làm vi c sau khi t t nghi p

- Làm vi c t i phòng k toán-tài chính t i các doanh nghi p, các n v s nghi p, các công ty cung c p d ch v k toán-kí m toán, các t p oàn kinh t ,
- Th c hi n các công vi c liên quan n tài chính k toán các c quan qu n lý nhà n c các c p.
- Gi ng d y chuyên ngành k toán t i các c s ào t o.

#### 2.14.3. C h i th ng ti n trong ngh nghi p

- Qu n lý i u hành các doanh nghi p, k toán tr ng, tr ng phòng tài chính k toán các c quan.
- H c ti p lên trình Th c s .

#### 2.14.4. T l h c viên có vi c làm sau t t nghi p

Sinh viên sau khi t t nghi p có vi c làm ứng chuyên ngành 95% .

#### 2.14.5. M c l ng t c

M c l ng t 3 tri u – 10 tri u ng.

### 2.15. C nhâ n Qu n tr kinh doanh

#### 2.15.1. K n ng ngh nghi p

- Lập kế hoạch, tiến và lùi hành kế hoạch sản xuất kinh doanh,
- Lập kế hoạch và giám sát vì các thành viên kế hoạch nhân sự, chi tiêu, tài chính, thủ tục kế toán, kế toán ngân hàng và ngân sách ngân sách các ngân hàng.
- Phân tích các chi tiêu và mô hình quản trị doanh nghiệp.
- Xác định các thủ tục phù hợp với ngân sách của doanh nghiệp thông qua các phân tích chi tiêu.

- Thiết lập các thủ tục quản lý chi tiêu cho doanh nghiệp theo các tiêu chuẩn Quốc tế.

- Xây dựng và phát triển quan hệ ngân hàng trong doanh nghiệp.

- So sánh vốn bản, âm phán, di sản thừa kế và ngân sách giao tiếp.

#### 2.15.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Làm nhiệm vụ các công việc công tác tùy ngành và huấn luyện nhân viên theo các chương trình đào tạo ngành học của các tổ chức, các công ty.

- Cán bộ phòng kế hoạch, nhân sự và marketing của các doanh nghiệp.

- Quản lý doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Giảng dạy chuyên ngành Quản trị kinh doanh tại các cơ sở đào tạo.

#### 2.15.3. Chức vị trong nghề nghiệp

- Quản lý và điều hành các doanh nghiệp, trường phòng kinh doanh...

- Học tiếp lên trình Thạc sĩ.

#### 2.15.4. Thời hạn có vị trí làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có vị trí làm ứng dụng chuyên ngành 95%.

#### 2.15.5. Mức lương tối thiểu

Mức lương từ 3 triệu – 10 triệu đồng.

### 2.16. Chuyên ngành Tài chính ngân hàng

#### 2.16.1. Kiến nghị nghiệp

- Lập các báo cáo tài chính, thủ tục kế toán kế toán, kế toán ngân hàng và ngân sách các ngân hàng.

- Phân tích tài chính; thủ tục ngân hàng, kiểm soát, nghiên cứu thủ tục kế toán kế toán, kế toán và kế toán...

- Thiết lập, thẩm định và quản lý dự án đầu tư tài chính.

- So sánh vốn bản, âm phán, di sản thừa kế và ngân sách giao tiếp

- Làm việc theo nhóm, quản lý nhóm và nghiên cứu khoa học

- Quản trị nhân sự và nghề thu nhập

- Xây dựng và phát triển quan hệ ngân hàng

- Thành thạo trong việc lập dự toán ngân sách trong doanh nghiệp.

- Có khả năng trong việc xây dựng các phương án ngân hàng và ngân sách, đầu tư và trong doanh nghiệp một cách hiệu quả nhất.

- Có khả năng hoạch định chính sách về tài chính.

#### 2.16.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Thành viên công tác chuyên môn tại các công ty tài chính, công ty kế toán kế toán, công ty kinh doanh bất động sản, các công ty bảo hiểm, bộ phận tín dụng của các ngân hàng thương mại, các quỹ đầu tư, các tập đoàn kinh tế, các Sở Tài chính...

- Làm nhiệm vụ các công việc công tác tùy ngành và huấn luyện nhân viên theo các chương trình đào tạo ngành học của các tổ chức tín dụng, ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty kế toán kế toán, công ty đầu tư kinh doanh bất động sản...

- Giảng dạy chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng trong các cơ sở đào tạo.

#### 2.16.3. Chức vị trong nghề nghiệp

- Quản lý và điều hành các doanh nghiệp, trường phòng kinh doanh...

- Học tiếp lên trình Thạc sĩ.

#### 2.16.4. Thời hạn có vị trí làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có vị trí làm ứng dụng chuyên ngành 95%.

#### 2.16.5. Mức lương tối thiểu

Mức lương từ 3 triệu – 10 triệu đồng.

### 2.17. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh Du lịch

#### 2.17.1. Kiến nghị nghiệp

- Có khả năng tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh du lịch và khách sạn, có khả năng làm việc cả trong và ngoài nước.

- Ti p c n th c t ngay trong quá trình h c t ng môn chuyên ngành, nâng cao k n ng qu n lý và kinh doanh du lch; nghiên c u v cung, c u, ra các chính sách ho ch nh và phát tri n ngành du lch trong xu th h ình p qu c t .

- L p và th m nh các d án ut hay quy t nh tài tr d án.

- Có ph ng pháp làm vi c khoa h c, bi t phân tích và gi i quy t các v n n y sinh trong th c ti n ngành kinh t , úc k t kinh nghi m hình thành t duy sáng t o.

- Giao ti p ti ng Anh m c thành th o trong các tình hu ng xã h i và chuyên môn.

- Nghiên c u khoa h c và các v n chuyên môn.

- S d ng thành th o ph n m m chuyên ngành và ng d ng nh Excel, Asses, Word.

#### 2.17.2. V trí làm vi c sau khi t t nghi p

- Cán b , nhân viên các b ph n trong doanh nghi p du lch (công ty/doanh nghi p du lch, khách s n, nhà hàng, hãng l hành, hãng hàng không, hãng v n chuy n, khu du lch, khu vui ch ì gi i trí liên h p...),

- Cán b c quan qu n lý du lch (S V n hóa, Th thao và Du lch, Ban qu n lý du lch).

- Tham gia ho c qu n lý các nhóm th c hi n ho t ng t ch c s ki n-h ình .

- Tr c ti p th c hi n ho c i u hành-qu n lý các c s cung c p d ch v du lch, l hành ho c t ch c s ki n.

- Gi ng d y chuyên ngành t i các c s ào t o.

#### 2.17.3. C h ì th ng ti n trong ngh nghi p

- Qu n lý i u hành công ty du lch, nhà hàng...

- H c ti p lên trình Th c s .

#### 2.17.4. T l h c viên có vi c làm sau t t nghi p

Sinh viên sau khi t t nghi p có vi c làm úng chuyên ngành 95% .

#### 2.17.5. M c l ng t c

M c l ng t 3 trí u – 15 trí u ng.

### 2.18. C nhân ngành Vi t Nam h c (Chuyên ngành: H ng d n du lch)

#### 2.18.1. K n ng ngh nghi p

- Có k n ng t ch c, th c hi n ho t ng h ng d n tham quan theo các tuy n, ì m và các khu (trung tâm) du lch.

- Có ph ng pháp làm vi c khoa h c, bi t phân tích và gi i quy t các v n n y sinh trong ho t ng h ng d n tham quan, úc k t kinh nghi m hình thành t duy sáng t o.

- Giao ti p ti ng Anh m c thành th o trong các tình hu ng xã h i và chuyên môn.

- Nghiên c u khoa h c và các v n chuyên môn.

- S d ng thành th o ph n m m chuyên ngành và ng d ng nh Excel, Asses, Word

- Có kh n ng giao ti p xã h i và kinh doanh ( àm phán, so n th o v n b n, di n thuy t...), làm vi c theo nhóm.

#### 2.18.2. V trí làm vi c sau khi t t nghi p

- Sau khi t t nghi p, c nhân Vi t Nam h c (chuyên ngành H ng d n du lch) tr thành H ng d n viên ngành Du lch;

- Nghiên c u và gi ng d y v Vi t Nam h c;

- Cán b trong các c quan ngo i giao, các t ch c qu c t , c quan ì di n, v n phòng th ng m ì.

- Nh n viên các t ch c chính ph và phi chính ph trong và ngoài n c.

#### 2.18.3. C h ì th ng ti n trong ngh nghi p

- Qu n lý i u hành công ty du lch, nhà hàng...

- H c ti p lên trình Th c s .

#### 2.18.4. T l h c viên có vi c làm sau t t nghi p

Sinh viên sau khi t t nghi p có vi c làm úng chuyên ngành 95% .

#### 2.18.5. M c l ng t c

M c l ng t 3 trí u – 15 trí u ng.

### 2.19. K s Công ngh k thu t Hóa h c (Chuyên ngành: Công ngh k thu t Hóa Vô c )

#### 2.19.1. K n ng ngh nghi p

- Khai thác, v n hành h th ng thi t b chuyên ngành Hoá vô c .

- T ch c, tri n khai và th c hi n chuy n giao công ngh .

- Thi t k và l p t thi t b , xây d ng quy trình công ngh chuyên ngành Hoá vô c và các chuyên ngành liên quan.

- Kì m tra, b o tri, s a ch a các thi t b chuyên ngành Hoá vô c .

- T ch c qu n lý ch o quá trình s n xu t kinh doanh và tham gia xây d ng d án phát tri n s n xu t.

- Phân tích ánh giá ch t l ng s n ph m, nghiên c u phát tri n s n ph m chuyên ngành Hoá vô c .

#### 2.19.2. V trí làm vi c sau khi t t nghi p

- Qu n lý, v n hành h th ng thi t b chuyên ngành Hoá vô c (phân bón, pin, c quy, m i n, xi m ng, g m s , thu tinh, g ch p lát,...)

- Thi t k và l p t thi t b , xây d ng quy trình công ngh , ti p nh n và chuy n giao công ngh chuyên ngành Hoá vô c và các chuyên ngành liên quan.

- Kì m tra, b o tri, s a ch a các thi t b chuyên ngành Hoá vô c .

- T ch c qu n lý ch o quá trình s n xu t kinh doanh và tham gia xây d ng d án phát tri n s n xu t.

- Phân tích ánh giá ch t l ng s n ph m, nghiên c u phát tri n s n ph m.

- Gi ng d y trong các c s ào t o, làm vi c trong các vi n nghiên c u thu c l nh v c hóa h c.

#### 2.19.3. C h i th ng ti n trong ngh nghi p

- Qu n lý i u hành công ty thu c lĩnh v c công ngh hóa h c, Tr ng phòng k thu t...

- H c ti p lên trình Th c s .

#### 2.19.4. T l h c viên có vi c làm sau t t nghi p

Sinh viên sau khi t t nghi p có vi c làm ứng chuyên ngành 95% .

#### 2.19.5. M c l ng t c

M c l ng t 3 tri u – 15 tri u ng.

### 2.20. K s Công ngh k thu t Hóa h c (Chuyên ngành: Công ngh KT Hóa H u c )

#### 2.20.1. K n ng ngh nghi p

- Khai thác, v n hành h th ng thi t b chuyên ngành Hoá h u c .

- T ch c, tri n khai và th c hi n chuy n giao công ngh .

- Thi t k và l p t thi t b , xây d ng quy trình công ngh chuyên ngành Hoá h u c và các chuyên ngành liên quan.

- Kì m tra, b o tri, s a ch a các thi t b chuyên ngành Hoá h u c .

- T ch c qu n lý ch o quá trình s n xu t kinh doanh và tham gia xây d ng d án phát tri n s n xu t.

- Phân tích ánh giá ch t l ng s n ph m, nghiên c u phát tri n s n ph m chuyên ngành Hoá h u c .

#### 2.20.2. V trí làm vi c sau khi t t nghi p

- Qu n lý, v n hành h th ng thi t b chuyên ngành Hoá h u c (s n, gi y, nh a, gia công cao su, l c hóa d u,...)

- Thi t k và l p t thi t b , xây d ng quy trình công ngh , ti p nh n và chuy n giao công ngh chuyên ngành Hoá h u c và các chuyên ngành liên quan.

- Kì m tra, b o tri, s a ch a các thi t b chuyên ngành Hoá h u c .

- T ch c qu n lý ch o quá trình s n xu t kinh doanh và tham gia xây d ng d án phát tri n s n xu t.

- Phân tích ánh giá ch t l ng s n ph m, nghiên c u phát tri n s n ph m.

- Gi ng d y trong các c s ào t o, làm vi c trong các vi n nghiên c u thu c l nh v c hóa h c.

#### 2.20.3. C h i th ng ti n trong ngh nghi p

- Qu n lý i u hành công ty thu c lĩnh v c công ngh hóa h c, Tr ng phòng k thu t...

- H c ti p lên trình Th c s .

#### 2.20.4. T l h c viên có vi c làm sau t t nghi p

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có vị trí làm ứng viên chuyên ngành 95% .

#### 2.20.5. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu 3 tri thức – 15 kỹ năng.

### 2.21. Kỹ sư Công nghệ Kỹ thuật Hóa học (Chuyên ngành: Công nghệ Kỹ thuật Hóa phân tích)

#### 2.21.1. Kiến thức nghề nghiệp

- Khai thác, vận hành hệ thống thí nghiệm chuyên ngành Hoá phân tích.
- Tổ chức, triển khai và thực hiện chuyên gia công nghệ .
- Thiết kế và lập trình thí nghiệm, xây dựng quy trình công nghệ chuyên ngành Hoá phân tích và các chuyên ngành liên quan.
- Kiểm tra, báo tri, báo cáo các thí nghiệm chuyên ngành Hoá phân tích.
- Tổ chức quản lý chi phí quá trình sản xuất kinh doanh và tham gia xây dựng dự án phát triển sản xuất.
- Phân tích đánh giá chất lượng sản phẩm, nghiên cứu phát triển sản phẩm chuyên ngành Hoá phân tích.

#### 2.21.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Quản lý, vận hành hệ thống thí nghiệm và quy trình phân tích.
- Thiết kế và lập trình thí nghiệm, xây dựng quy trình công nghệ, tiếp nhận và chuyên gia công nghệ chuyên ngành Hoá phân tích và các chuyên ngành liên quan.
- Kiểm tra, báo tri, báo cáo các thí nghiệm chuyên ngành Hoá phân tích.
- Tổ chức quản lý chi phí quá trình sản xuất kinh doanh và tham gia xây dựng dự án phát triển sản xuất.
- Phân tích đánh giá chất lượng sản phẩm, nghiên cứu phát triển sản phẩm.
- Giảng dạy trong các cơ sở đào tạo, làm việc trong các viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực hóa học.

#### 2.21.3. Chức năng nhiệm vụ trong nghề nghiệp

- Quản lý nội bộ hành công ty thuộc lĩnh vực công nghệ hóa học, Trung tâm phòng kỹ thuật...
- Hỗ trợ lên trình thực sự.

#### 2.21.4. Trình độ chuyên môn có vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có vị trí làm ứng viên chuyên ngành 95% .

#### 2.21.5. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu 3 tri thức – 15 kỹ năng.

### 2.22. Kỹ sư Công nghệ Máy

#### 2.22.1. Kiến thức nghề nghiệp

- Thiết kế và may thành thạo các sản phẩm may mặc từ nguyên liệu dệt.
  - Quản lý và điều hành dây chuyền sản xuất may công nghiệp
  - Xây dựng, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật và triển khai sản xuất mới cách linh hoạt. Xử lý và giải quyết nhanh các tình huống phát sinh trong sản xuất
  - Nghiên cứu hợp lý hoá thao tác trong sản xuất
  - Thiết kế & giám sát trên máy tính
  - Xây dựng nhóm có tiêu hao nguyên liệu, lập kế hoạch sản phẩm
  - Lập kế hoạch, quản lý và điều hành sản xuất, xây dựng hệ thống báo tri, báo động các thí nghiệm ngành may
  - Làm thủ tục xuất nhập khẩu
  - Đào tạo và tái đào tạo
  - Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm
  - Kỹ năng giải quyết vấn đề, Kỹ năng làm việc độc lập, tự quản lý, tự chịu trách nhiệm
- Nghiên cứu khoa học, chuyên gia và cố vấn công nghệ
- #### 2.22.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp



- m nhiệm các công việc trực tiếp, chiнок thu thập: nhân viên tiêu chuẩn, nhân viên thi đấu, nhân viên xây dựng nhân sự, nhân viên nhân sự HR, nhân viên KCS (kiểm tra chất lượng sản phẩm), trưởng bộ phận thu thập, phòng thu thập, phòng KCS...
- am phân và ký kết hợp đồng sản xuất kinh doanh
- Làm việc trong các vị trí, trung tâm nghiên cứu chuyên ngành Dệt May- Thi đấu thời trang
- Ph trách thu thập, cán bộ theo dõi ngành, trưởng đội nhân cho các hãng nước ngoài liên kết hoặc các sản phẩm kinh doanh trong lĩnh vực may – thời trang.
- Giảng dạy tại các Trường Đại học, Cao đẳng, Trung học, các trường đào tạo chuyên ngành May – Thời trang.

#### 2.22.3. Chức năng nhiệm vụ trong nghề nghiệp

- Chức năng tác dụng của sản xuất, quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh như: Quản lý phân xưởng sản xuất, Giám đốc xí nghiệp, Giám đốc công ty...
- Học tập lên trình Thạc sĩ.

#### 2.22.4. Trình độ chuyên môn có thể làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm ứng dụng chuyên ngành 92%.

#### 2.22.5. Mức lương tối thiểu

Mức lương từ 3 triệu – 15 triệu đồng.

### 2.23. Kỹ sư Thời trang

#### 2.23.1. Kiến thức nghề nghiệp

- Tổng hợp, phân tích và đánh giá xu hướng thời trang trong nước và quốc tế ứng dụng vào lĩnh vực thời trang.
- Sáng tác thời trang mang tính thẩm mỹ và ứng dụng cao phù hợp xu hướng thời trang.
- Các phần mềm thiết kế đồ họa.
- Thiết kế kỹ thuật và xây dựng quy trình công nghệ may các dòng sản phẩm.
- Sử dụng thành thạo phần mềm Thiết kế thời trang trên máy tính và phần mềm Thiết kế và giám sát trên máy tính.
- Điều hành tổ chức triển khai thi đấu sản phẩm mới, triển khai kế hoạch và quy trình sản xuất sản phẩm thương mại.



- Có khả năng tổ chức chương trình trình diễn thời trang giới thiệu sản phẩm.
- Có khả năng giao tiếp và làm việc nhóm.
- Có khả năng đọc, hiểu các tài liệu kỹ thuật ngành may bằng Tiếng Anh.

#### 2.23.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Giảng dạy tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung tâm chuyên nghiệp hoặc các trung tâm đào tạo chuyên ngành Thiết kế thời trang.
- m nhiệm các công việc Chuyên gia thiết kế thời trang, nhà thiết kế trong các doanh nghiệp may thời trang.
- Các sản phẩm kinh doanh, quản lý điều hành công việc thiết kế mẫu và quá trình sản xuất sản phẩm.

#### 2.23.3. Chức năng nhiệm vụ trong nghề nghiệp

- Giám đốc công ty thời trang, Xưởng sản xuất thời trang, công ty may...
- Học tập lên trình Thạc sĩ.

#### 2.23.4. Trình độ chuyên môn có thể làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm ứng dụng chuyên ngành 92%.

#### 2.23.5. Mức lương tối thiểu

Mức lương từ 3 triệu – 15 triệu đồng.

### 2.24. Chuyên Ngôn ngữ Anh

#### 2.24.1. Kiến thức nghề nghiệp

- Thành thạo 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp xã hội và chuyên môn tiếng Anh với trình độ 550 TOEFL, hoặc 6.0 IELTS phục vụ mục đích nghề nghiệp;
- Linh hoạt trong việc sử dụng các kỹ thuật biên phiên dịch trong khi làm việc.
- Có khả năng tổ chức, nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ đáp ứng các yêu cầu công việc.
- Có khả năng áp dụng công nghệ tiên tiến vào công tác chuyên môn;

- Có khả năng làm việc theo nhóm, quản lý nhóm và nghiên cứu khoa học về các vấn đề ngôn ngữ, văn hóa, văn hoá – văn minh của các nước, công nghệ Anh ngữ.
  - Có khả năng thuyết trình, truy cập thông tin, giải quyết vấn đề.
- 2.24.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp
- Làm nhân công tác giấy tờ và hỗ trợ tiếng Anh tại các cơ sở tổ chức giáo dục của Việt Nam và quốc tế.
  - Làm nhân công văn phòng, trợ lý, biên tập viên cho các dự án, các công ty, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội trong nước và nước ngoài.
  - Làm việc cho các công ty làm hàng trong và ngoài nước.
- 2.24.3. Chức vị trong nghề nghiệp
- Giám đốc điều hành các dự án, các công ty, doanh nghiệp nước ngoài.
  - Học tập lên trình Thạc sĩ.
- 2.24.4. Trình độ chuyên môn có việc làm sau tốt nghiệp
- Sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm ứng dụng chuyên ngành 95%.
- 2.24.5. Mức lương tối thiểu
- Mức lương từ 3 triệu – 15 triệu đồng.

### 3. CAO NG CHỈNH QUY

#### 3.1. Chuyên ngành Công nghệ chế tạo máy

##### 3.1.1. Kiến thức nghề nghiệp

- Tính toán thiết kế các sản phẩm cơ khí
- Tính toán thiết kế quy trình công nghệ gia công các chi tiết cơ khí, quy trình công nghệ lắp ráp các sản phẩm cơ khí thông thường
- Khai thác, vận hành các thiết bị cơ khí.
- Bảo trì, sửa chữa các thiết bị cơ khí.
- Trình bày, tiếp nhận chuyên giao công nghệ cơ khí.
- Tổ chức, quản lý sản xuất trong các doanh nghiệp.

##### 3.1.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Tham gia thiết kế, chế tạo các chi tiết máy. Lắp đặt, vận hành các thiết bị cơ khí trong các công ty, nhà máy, xí nghiệp.
- Quản lý, chốt sản xuất tại các phân xưởng cơ khí.
- Làm việc trong phòng kỹ thuật của các công ty, nhà máy, xí nghiệp.
- Giảng dạy chuyên ngành Cơ khí tại các trường Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề hoặc các trung tâm dạy nghề.

##### 3.1.3. Chức vị trong nghề nghiệp

- Có khả năng quản lý, điều hành, quản lý sản xuất trong các sản phẩm cơ khí;
- Học tập lên thạc sĩ.

##### 3.1.4. Trình độ chuyên môn có việc làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm ứng dụng chuyên ngành 95%.

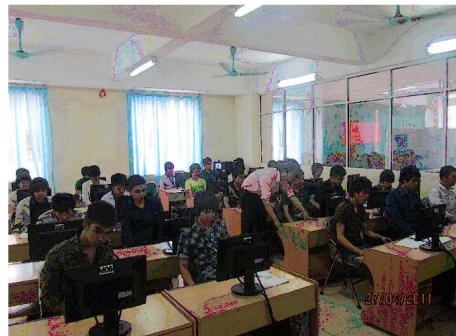
##### 3.1.5. Mức lương tối thiểu

Mức lương từ 3 triệu – 10 triệu đồng.

#### 3.2. Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật CNTT

##### 3.2.1. Kiến thức nghề nghiệp

- Thiết kế các hệ thống thiết bị tin học, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tính toán, thiết kế hệ thống.
- Khai thác, vận hành các hệ thống thiết bị tin học.
- Lắp đặt, bảo trì, sửa chữa các thiết bị CNTT.
- Trình bày, tiếp nhận và chuyên giao công nghệ CNTT.
- Tổ chức, quản lý sản xuất trong các doanh nghiệp.





### 3.2.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Làm nhân viên các công việc tham gia thi trắc nghiệm, chốt sổ, báo tri các hình thức Cấn
- Cán bộ kỹ thuật các phòng kỹ thuật
- Quản lý kỹ thuật, sản xuất các phân xưởng.
- Quản lý kỹ thuật các doanh nghiệp kinh doanh thị trường khí, tinh hóa.
- Cán bộ giám đốc các cơ sở (sau khi đã đi công tác v/s ph m).

### 3.2.3. Hình thức thi công tác trong nghề nghiệp

- Có khả năng tổ chức, quản lý và chỉ đạo sản xuất trong các doanh nghiệp.
- Học tập liên tục.

### 3.2.4. Tỷ lệ học viên có việc làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm ứng dụng chuyên ngành 98%.

### 3.2.5. Mức lương

Mức lương 3 triệu – 10 triệu đồng.

## 3.3. Chuyên Ngành Công nghệ Kỹ thuật Khí (Chuyên ngành: Cấn)

### 3.3.1. Kiến nghề nghiệp

- Vận hành, báo tri, sửa chữa các thiết bị và hình thức Cấn.
- Theo dõi tình trạng thiết bị trong quá trình hoạt động, phát hiện kịp thời những bất bình thường của thiết bị.
- Xác định chu kỳ, nghiên cứu tính năng thiết bị, đánh giá kỹ thuật và hướng dẫn sửa chữa sau Cấn.
- Hướng dẫn kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào công việc báo tri, sửa chữa, báo tri thiết bị
- Tổ chức, triển khai và thực hiện chuyển giao công nghệ.
- Lập kế hoạch báo tri, sửa chữa ứng dụng thực tiễn, dự đoán thiết bị, phòng ngừa thay thế, kế hoạch nhân lực...

### 3.3.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Làm nhân viên các công việc thi trắc nghiệm, chốt sổ các chi tiết máy, lắp đặt, vận hành, báo tri, sửa chữa các thiết bị và hình thức Cấn trong các công ty, nhà máy, xí nghiệp.
- Làm việc trong phòng kỹ thuật của các công ty, nhà máy, xí nghiệp, các vị trí nghiên cứu thực chuyên ngành sửa chữa Cấn.
- Có khả năng giám đốc chuyên ngành Cấn trong các cơ sở (sau khi đã đi công tác v/s ph m).

### 3.3.3. Hình thức thi công tác trong nghề nghiệp

- Tổ chức, quản lý và chỉ đạo sản xuất trong các doanh nghiệp.
- Học tập liên tục.

### 3.3.4. Tỷ lệ học viên có việc làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm ứng dụng chuyên ngành 98%.

### 3.3.5. Mức lương

Mức lương 3 triệu – 10 triệu đồng.

## 3.4. Chuyên Ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô

### 3.4.1. Kiến nghề nghiệp

- Có khả năng sửa chữa ô tô.
- Thi lắp các quy trình sửa chữa các hình thức trên xe ô tô
- Tham gia tổ chức, điều hành và chỉ đạo sản xuất các trang thiết bị công nghệ công nghiệp các hoạt động kỹ thuật của ngành.

- Tính toán thiết kế, lắp ráp trạm báo tri và sửa chữa ô tô

Vận hành, khai thác, báo tri, báo tri ô tô và các thiết bị công nghệ

- Tổ chức, triển khai và thực hiện chuyển giao công nghệ



nghe.

#### 3.4.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Tham gia các công việc thi công, lắp đặt, vận hành bảo trì, dịch vụ kỹ thuật, kinh doanh ô tô và thiết bị công nghiệp trong các doanh nghiệp, nhà máy xí nghiệp, trạm biến áp hành ô tô.
- Làm việc trong phòng kỹ thuật của các công ty, nhà máy xí nghiệp.
- Làm việc tại các phòng thí nghiệm của các viện nghiên cứu.
- Có khả năng giảng dạy chuyên ngành cơ khí Ô tô trong các cơ sở đào tạo.

#### 3.4.3. Hình thức công tác trong ngành

- Thực tế, quản lý và chế tạo sản xuất trong các doanh nghiệp.
- Học tập liên tục.

#### 3.4.4. Tỷ lệ học viên có việc làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên ngành 97%.

#### 3.4.5. Mức lương

Mức lương 3 triệu – 10 triệu đồng.

### 3.5. Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (Chuyên ngành: Công nghệ Kỹ thuật điện)

#### 3.5.1. Kiến thức cần đạt

- Tham gia trực tiếp các quá trình: Sản xuất và truy tìm lỗi điện tử, Trang bị điện, thiết bị điện, điện tử khi lắp ráp, điện tử khi lắp ráp.
- Bảo trì bảo dưỡng, lắp đặt hệ thống các máy công nghiệp trong lĩnh vực kỹ thuật điện.
- Điện tử hành động công nghệ của nhóm sản xuất, bảo dưỡng chuyên ngành điện tử.
- Khai thác vận hành các máy móc, lắp đặt thay thế các linh kiện - điện tử trong công nghiệp.
- Thực hiện các quá trình sản xuất và xử lý các mối quan hệ kỹ thuật – công nghệ công nghệ điện tử của các thiết bị, các dây truyền sản xuất trong các nhà máy xí nghiệp công nghiệp.

#### 3.5.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Tham gia các công việc thi công, lắp đặt, vận hành bảo trì hệ thống điện tử.
- Làm việc trong phòng kỹ thuật, bộ phận điện tử.
- Quản lý nhóm sản xuất, bảo trì hệ thống thiết bị điện tử.
- Làm việc trong các phòng thí nghiệm của Viện nghiên cứu chuyên ngành điện tử.
- Có khả năng giảng dạy chuyên ngành điện tử trong các cơ sở đào tạo.

#### 3.5.3. Hình thức công tác trong ngành

- Thực hiện sản xuất và áp dụng các quy trình công nghệ vào điện tử sản xuất thực tế các công nghệ sản xuất.
- Tìm kiếm, triển khai các công nghệ mới nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.
- Nghiên cứu tiếp thu khoa học công nghệ tiên tiến,
- Học tập liên tục.

#### 3.5.4. Tỷ lệ học viên có việc làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên ngành 97%.

#### 3.5.5. Mức lương

Mức lương 3 triệu – 10 triệu đồng.

### 3.6. Chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật Nhiệt

#### 3.6.1. Kiến thức cần đạt

- Có khả năng phân tích, xử lý các sự cố liên quan xảy ra trong quá trình vận hành các thiết bị lò hơi, điện tử hòa không khí, các hệ thống sấy, lò hơi, máy nén khí...
- Lắp đặt quy trình vận hành, bảo dưỡng các thiết bị lò hơi, điện tử hòa không khí, các hệ thống sấy, lò hơi, máy nén khí...
- Có khả năng lắp đặt các hệ thống, thay thế các chi tiết trong các thiết bị lò hơi, điện tử hòa không khí, các hệ thống sấy, lò hơi, máy nén khí...
- Có khả năng làm công tác đào tạo chuyên môn cho các thợ sửa chữa.
- Có khả năng nghiên cứu cải tiến quy trình công nghệ.

#### 3.6.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Các công ty, tập đoàn chuyên về thi công các hệ thống cấp nước trong các nhà cao tầng, trong công nghiệp.

- Các nhà máy sản xuất các thiết bị như, lò hơi, lò không khí, lò hơi, máy nghiền...

- Các cơ sở đào tạo nghề Nhiệt điện, lò hơi không khí.

### 3.6.3. Chức năng nhiệm vụ trong nghề nghiệp

- Giám sát, Trưởng phòng kỹ thuật trong các Công ty sản xuất kinh doanh các thiết bị nhiệt điện

- Học tập lên cao hơn.

### 3.6.4. Trình độ chuyên môn có vị trí làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có vị trí làm ứng dụng chuyên ngành 97%.

### 3.6.5. Mức lương tối thiểu

Mức lương từ 3 triệu – 7 triệu đồng.

## 3.7. Chuyên Ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện tử và Tự động hóa

### 3.7.1. Kiến thức nghề nghiệp

- Trắc nghiệm thi công và giám sát thi công các hệ thống điện tử và tự động hóa trong công nghiệp

- Áp dụng kỹ thuật điện tử và tự động hóa vào các máy móc, dây chuyền sản xuất công nghiệp.

- Phân tích quá trình công nghệ, các mối quan hệ kỹ thuật – công nghệ, phân tích hoạt động của các thiết bị, các dây chuyền sản xuất tự động trong các nhà máy xí nghiệp công nghiệp.

- Tham gia thi đấu, chế tạo và vận hành các máy in, thiết bị in.

- Bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các mạch điện tử trong công nghiệp.

- Phát triển pháp làm vị trí chuyên nghiệp, tự duy trì khoa học, Kỹ thuật làm vị trí cấp và làm vị trí theo nhóm.

- Nghiên cứu tiếp thu khoa học công nghệ tiên tiến, hòa nhập công nghệ trong môi trường quốc tế

- Đào tạo và chuyển giao chuyên ngành cho nhân viên kỹ thuật cấp dưới

### 3.7.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Làm vị trí các Vị trí, trưởng, trung tâm nghiên cứu và triển khai công nghệ.

- Tham gia xây dựng các dự án phát triển và nghiên cứu Kỹ thuật Điện tử và Tự động hóa trong các lĩnh vực công nghiệp, kinh tế và xã hội.

- Làm việc trong các nhà máy xí nghiệp với cách làm cán bộ kỹ thuật Điện tử, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các máy móc, dây chuyền sản xuất.

- Làm nhiệm vụ chuyên gia công nghệ, huấn luyện đào tạo cho nhân viên và công nhân kỹ thuật.

- Giảng dạy trong các trường Cao đẳng, TCCN và các cơ sở đào tạo nghề.

### 3.7.3. Chức năng nhiệm vụ trong nghề nghiệp

- Có khả năng Tổ chức, quản lý và chế tạo sản xuất, kinh doanh trong các doanh nghiệp.

- Học tập lên cao hơn.

### 3.7.4. Trình độ chuyên môn có vị trí làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có vị trí làm ứng dụng chuyên ngành 97%.

### 3.7.5. Mức lương tối thiểu

Mức lương từ 3 triệu – 8 triệu đồng.

## 3.8. Chuyên Ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện tử, Truyền thông (Chuyên ngành: Công nghệ Kỹ thuật Điện tử)

### 3.8.1. Kiến thức nghề nghiệp

- Phân tích và đưa ra phương án xử lý các sự cố, học hỏi thông tin về các thiết bị, hệ thống điện tử, điện tử, điện tử: Amplify, TV, máy tính cá nhân, các loại dây chuyền sản xuất công nghiệp, các hệ thống an ninh, camera, ...

- Tính toán, thi đấu, chế tạo, kiểm tra, bảo trì, sửa chữa các thiết bị, hệ thống điện tử, điện tử, điện tử máy tính, quy mô nhỏ: hệ thống an ninh, dây chuyền sản xuất công nghiệp, máy tính, các thiết bị cần, online, ...



- Phân tích cấu trúc, chức năng và nguyên lý hoạt động của các thiết bị, hệ thống in, internet, iu khi internet, quy mô thông qua sơ nguyên lý, sơ đồ và hoạt động của thiết bị, hệ thống.

- Lắp đặt, vận hành các thiết bị, hệ thống internet.

- Hàn, tháo/ráp linh kiện và lắp ráp các sản phẩm internet.

### 3.8.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Tham gia các công việc thi công, sửa chữa, vận hành hệ thống internet, iu khi internet, viễn thông.

- Làm việc trong phòng kỹ thuật của các cơ sở sản xuất, lắp ráp, bảo hành thiết bị internet, viễn thông và tin học.

- Quản lý nhóm sản xuất, bảo trì hệ thống thiết bị internet, iu khi internet

- Làm việc trong các phòng thí nghiệm của Viện nghiên cứu chuyên ngành internet, viễn thông.

- Cố vấn kỹ thuật chuyên ngành internet, Viễn thông, iu khi internet trong các cơ sở đào tạo.

### 3.8.3. Hình thức tín dụng trong nghề nghiệp

- Có kỹ năng Tin học, quản lý và chăm sóc sản xuất, kinh doanh trong các doanh nghiệp.

- Học tập liên tục.

### 3.8.4. Tỷ lệ học viên có việc làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm ứng dụng chuyên ngành 97%.

### 3.8.5. Mức lương tối thiểu

Mức lương từ 2 triệu – 9 triệu đồng.

## 3.9. Chuyên Ngành Công nghệ Kỹ thuật Internet, Truyền thông (Chuyên ngành: Công nghệ Kỹ thuật Internet và Truyền thông)

### 3.9.1. Kiến thức nghề nghiệp

- Phân tích, đánh giá và đưa ra phương án xử lý các sự cố, hỏng hóc của các thiết bị, hệ thống in, internet, viễn thông: Amply, TV, máy tính cá nhân, các loại dây chuyền sản xuất công nghiệp, các hệ thống viễn thông, ....

- Kiểm tra, bảo trì, sửa chữa các thiết bị, hệ thống in, internet, viễn thông: hệ thống an ninh, dây chuyền sản xuất công nghiệp, máy tính, thiết bị viễn thông ....

- Phân tích cấu trúc, chức năng và nguyên lý hoạt động của các thiết bị, hệ thống in, internet, viễn thông thông qua sơ nguyên lý, sơ đồ và hoạt động của thiết bị, hệ thống.

- Lắp đặt, vận hành các thiết bị, hệ thống internet, viễn thông.

- Hàn, tháo/ráp linh kiện và lắp ráp các sản phẩm internet dân dụng và viễn thông.

- Giao tiếp và làm việc nhóm.

### 3.9.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Làm nhiệm vụ các công việc thi công, sửa chữa, vận hành hệ thống internet, iu khi internet, viễn thông tại các cơ sở sản xuất internet, viễn thông.

- Làm việc trong phòng kỹ thuật của các cơ sở sản xuất, lắp ráp, bảo hành thiết bị internet, viễn thông.

- Quản lý nhóm sản xuất, bảo trì hệ thống thiết bị internet, iu khi internet, thiết bị viễn thông

- Làm việc trong các Viện nghiên cứu chuyên ngành internet, viễn thông.

- Kỹ thuật chuyên ngành internet, Viễn thông cho các hệ Trung tâm chuyên nghiệp, Cao đẳng nghề và Trung tâm nghề nghiệp.

### 3.9.3. Hình thức tín dụng trong nghề nghiệp

- Quản lý sản xuất kinh doanh và lập dự án.

- Học tập liên tục.

### 3.9.4. Tỷ lệ học viên có việc làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm ứng dụng chuyên ngành 97%.

### 3.9.5. Mức lương tối thiểu

Mức lương từ 3 triệu – 10 triệu đồng.



### 3.10. Chuyên Ngành Tin học ứng dụng

#### 3.10.1. Kiến nghị nghiệp vụ

- Sử dụng thành thạo các hệ thống máy tính,
- Vận dụng các kỹ thuật lập trình tin học viết các chương trình/ phần mềm tin học nhỏ.
- Sử dụng thành thạo máy vi tính trong quản lý, phân tích và thiết kế hệ thống, thiết kế mặt hồ quản lý cơ sở.
- Sử dụng thành thạo các ứng dụng văn phòng. Làm việc thành thạo trên hệ thống mạng.
- Biết kỹ thuật và ý nghĩa của các thông số trên linh kiện internet thông dụng và linh kiện của máy tính.

#### 3.10.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Tham gia thực hiện các dự án phần mềm với vai trò nhân viên phát triển phần mềm, nhân viên phân tích và thiết kế hệ thống công nghệ thông tin.
- Kỹ thuật viên quản trị hệ thống công nghệ thông tin, bảo trì hệ thống máy tính và thiết bị tin học tại các cơ sở cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin.
- Giáo viên giảng dạy môn tin học các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, TCCN.
- Giáo viên giảng dạy nghề tin học tại các cơ sở đào tạo nghề.

#### 3.10.3. Chức năng nhiệm vụ trong nghề nghiệp

- Quản lý hệ thống các công ty phần mềm và thiết bị công nghệ thông tin.
- Hỗ trợ lên trình hồ sơ.

#### 3.10.4. Tỷ lệ học viên có việc làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên ngành 95%.

#### 3.10.5. Mức lương tối thiểu

Mức lương từ 3 triệu – 8 triệu đồng.

### 3.11. Chuyên Ngành Công nghệ thông tin

#### 3.11.1. Kiến nghị nghiệp vụ

- Tham gia các dự án phần mềm tin học với các cách: lập trình viên, thành viên của dự án.
- Quản trị dữ liệu, quản trị mạng, quản trị website cho các tổ chức, doanh nghiệp, công ty.
- Tư vấn, kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin.
- Tham gia nghiên cứu và giảng dạy công nghệ thông tin các trình phù hợp.

#### 3.11.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Kỹ thuật viên phát triển phần mềm, thiết kế website, gia công phần mềm... tại các công ty phát triển phần mềm.
- Tư vấn viên về các giải pháp vận dụng, các giải pháp công nghệ thông tin cho doanh nghiệp.
- Cán bộ kỹ thuật các công ty phân phối và bảo trì các thiết bị máy tính.
- Bảo trì vận hành và phát triển công nghệ thông tin của các cơ quan, nhà máy, trường học, ngân hàng... các doanh nghiệp có ứng dụng công nghệ thông tin.
- Giảng dạy tin học tại các cơ sở đào tạo.

#### 3.11.3. Chức năng nhiệm vụ trong nghề nghiệp

- Quản lý hệ thống các công ty phần mềm và thiết bị công nghệ thông tin, trường phòng kỹ thuật các công ty hoạt động vận hành vận công nghệ thông tin.
- Hỗ trợ lên trình hồ sơ.

#### 3.11.4. Tỷ lệ học viên có việc làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên ngành 95%.

#### 3.11.5. Mức lương tối thiểu

Mức lương từ 3 triệu – 10 triệu đồng.

### 3.12. Ngành Kế toán

#### 3.12.1. Kiến nghị nghiệp vụ

- Thành thạo trong việc lập kế hoạch, kiểm tra tính pháp lý của chứng từ, ghi sổ chi tiết kế toán.
- Tư vấn pháp lý lập các báo cáo kế toán
- Kiểm tra chính xác các số liệu trên các báo cáo kế toán
- Biết lập các báo cáo tài chính, kế toán tài chính, kế toán ngân hàng, sử dụng các nguồn vốn.

#### 3.12.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Thực hiện nghiệp vụ kế toán tại phòng Kế toán-tài chính các doanh nghiệp, các cơ quan, các công ty cung cấp dịch vụ kế toán-kiểm toán, các tập đoàn kinh tế,
- Nhân viên phụ trách kế toán tại các bộ phận có liên quan đến tài chính kế toán các cơ quan quản lý nhà nước các cấp.
- Giảng dạy nghề kế toán tại các cơ sở đào tạo.

### 3.12.3. Chức năng tín dụng trong ngành ngân hàng

- Quản lý doanh nghiệp, kế toán tài chính.
- Hỗ trợ lên trình tài chính.

### 3.12.4. Trình độ chuyên môn của nhân viên có vị trí làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có vị trí làm việc chuyên ngành 97%.

### 3.12.5. Mức lương

Mức lương từ 3 triệu – 10 triệu đồng.

## 3.13. Ngành Quản trị kinh doanh

### 3.13.1. Chức năng ngành ngân hàng

- Lập kế hoạch, tài chính và điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh, lập kế hoạch và theo dõi vị trí chi tiêu kinh doanh nhân sự, chi tiêu, tài chính, thủ tục ngân hàng - khoán, kế toán ngân hàng, sổ sách các nguồn vốn.
- Xác định các mô hình quản trị doanh nghiệp
- Xác định các thủ tục phù hợp với ngân hàng các doanh nghiệp trên các các thông tin và thủ tục.
- So sánh lợi nhuận, chi phí, dự báo và ngân sách giao tiếp

### 3.13.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Làm nhiệm vụ các công việc về công tác tuyển dụng và huấn luyện nhân viên theo các chương trình đào tạo ngắn hạn của các tổ chức, các công ty.
- Cán bộ phòng kế hoạch, nhân sự và marketing của các doanh nghiệp.
- Quản lý doanh nghiệp và nhà.
- Giám đốc chuyên ngành Quản trị kinh doanh tại các cơ sở đào tạo.

### 3.13.3. Chức năng tín dụng trong ngành ngân hàng

- Quản lý điều hành các doanh nghiệp, quản lý phòng kinh doanh...
- Hỗ trợ lên trình tài chính.

### 3.13.4. Trình độ chuyên môn của nhân viên có vị trí làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có vị trí làm việc chuyên ngành 95%.

### 3.13.5. Mức lương

Mức lương từ 3 triệu – 10 triệu đồng.

## 3.14. Ngành Tài chính ngân hàng

### 3.14.1. Chức năng ngành ngân hàng

- Lập các báo cáo tài chính và tài chính của tổ chức kinh tế, tình hình thủ tục tài chính.
- Phân tích thủ tục tài chính; khảo sát, nghiên cứu thủ tục kế hoạch, tài chính hình thức tổ chức, chi tiêu và kế toán...
- Lập, phân tích và thẩm định dự án đầu tư.
- Thành thạo trong việc lập dự toán ngân sách trong doanh nghiệp.
- So sánh lợi nhuận, chi phí, dự báo và ngân sách giao tiếp
- Làm việc nhóm.
- Phát triển quan hệ ngân hàng
- Có khả năng trong việc xây dựng các phương án huy động vốn, sổ sách vốn, đầu tư vốn trong doanh nghiệp một cách hiệu quả.

### 3.14.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Chuyên viên tại các bộ phận: Thẩm định, tài chính, phát triển thủ tục, môi giới, giao dịch viên... cho các công ty tài chính, công ty kế toán, công ty kinh doanh bất động sản, các công ty bảo hiểm, bộ phận tín dụng của các ngân hàng thương mại, các quỹ đầu tư, các tập đoàn kinh tế, các cơ sở Tài chính...

### 3.14.3. Chức năng tín dụng trong ngành ngân hàng

- Cán bộ giám sát, quản lý nhóm kinh doanh, quản lý phòng kinh doanh...
- Hỗ trợ lên trình tài chính.

### 3.14.4. Trình độ chuyên môn của nhân viên có vị trí làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có vị trí làm việc chuyên ngành 95%.

### 3.14.5. Mức lương

Mức lương từ 2 triệu – 10 triệu đồng.

## 3.15. Chuyên ngành Công nghệ may (Chuyên ngành: Công nghệ May)

### 3.15.1. Chức năng ngành ngân hàng

- Thiết kế và may thành thạo các sản phẩm may mốt thời trang nam nữ.
- Thiết kế, quản lý và điều hành dây chuyền sản xuất may công nghiệp nhàn và trung bình.
- Xây dựng, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật và triển khai sản xuất quy mô trung bình và nhàn.

- X lý và gi i quy t c các tình hu ng phát sinh trong s n xu t

- Nghiên c u h p lý hoá thao tác trong s n xu t

- Thi t k & giác s trên máy tính

- Xây d ng nh m c tiêu hao nguyên ph li u

- Làm th t c xu t nh p kh u

3.15.2. V trí làm vi c sau khi t t nghi p

- m nhi m các công vi c tr c ti p, ch o k thu t nh : nhân viên tiêu chu n, nhân viên thi t k , nhân viên xây d ng nh m c, nhân viên nh m c H i quan, nhân viên KCS(ki m tra ch t l ng s n ph m), tr ng chuy n, t tr ng k thu t, tr ng b ph n k thu t, tr ng b ph n KCS...

- Ch o công tác chu n b s n xu t, tham gia qu n lý và i u hành s n xu t kinh doanh nh : Qu n c phân x ng s n xu t...

- Ph trách k thu t, cán b theo dõi n hàng cho các hãng n c ngoài liên k t ho c c l p s n xu t kinh doanh trong lnh v c may – th i trang.

- Gi ng d y t i các c s ào t o chuyên ngành May - Th i trang.

3.15.3. C h i th ng ti n trong ngh nghi p

- Qu n lý i u hành phân x ng x n xu t kinh doanh may th i trang.

- H c ti p lên trình i h c.

3.15.4. T l h c viên có vi c làm sau t t nghi p

Sinh viên sau khi t t nghi p có vi c làm ứng chuyên ngành 95% .

3.15.5. M c l ng t c

M c l ng t 2 tri u – 7 tri u ng.

### 3.16. C nhân Ngành Công ngh may (Chuyên ngành: Thi t k th i trang)

3.16.1. K n ng ngh nghi p

- Phân tích xu h ng th i trang trong n c và qu c t ng d ng vào lnh v c thi t k th i trang.

- Sáng tác th i trang mang tính th m m và ng d ng cao phù h p xu h ng th i trang.

- Ph i h p ho c c l p th c hi n c b s ut p.

- Thi t k k thu t và xây d ng quy trình công ngh may các d ng s n ph m.

- S d ng c các ph n m m thi t k và giác s trên máy tính.

3.16.2. V trí làm vi c sau khi t t nghi p

- m nhi m c công vi c c a k thu t viên thi t k th i trang trong các doanh nghi p may - th i trang.

- c l p kinh doanh c a hàng may th i trang.

- Gi ng d y t i các c s ào t o chuyên ngành thi t k th i trang.

3.16.3. C h i th ng ti n trong ngh nghi p

- Qu n lý i u hành các doanh nghi p, tr ng phòng kinh doanh các n v kinh doanh s n xu t may th i trang.

- H c ti p lên trình i h c.

3.16.4. T l h c viên có vi c làm sau t t nghi p

Sinh viên sau khi t t nghi p có vi c làm ứng chuyên ngành 95% .

3.16.5. M c l ng t c

M c l ng t 3 tri u – 9 tri u ng.

### 3.17. C nhân Ngành Công ngh k thu t Hóa h c (Chuyên ngành: Công ngh k thu t Hóa Vô c )

3.17.1. K n ng ngh nghi p

- Khai thác, v n hành h th ng thi t b chuyên ngành Hoá vô c .

- T ch c, tri n khai và th c hi n chuy n giao công ngh .

- L p t thi t b, xây d ng quy trình công ngh chuyên ngành Hoá vô c và các chuyên ngành liên quan.

- Ki m tra, b o trì, s a ch a các thi t b chuyên ngành Hoá vô c .



- T ch c qu n lý ch o quá trình s n xu t kinh doanh và tham gia xây d ng d án phát tri n s n xu t.

- Phân tích ánh giá ch t l ng s n ph m chuyên ngành Hoá vô c .

#### 3.17.2. V trí làm vi c sau khi t t nghi p

- V n hành h th ng thi t b chuyên ngành Hoá vô c (phân bón, pin, c quy, m i n, xi m ng, g m s , thu tinh, g ch p lát,...).

- Thi t k và l p t thi t b , xây d ng quy trình công ngh , ti p nh n và chuy n giao công ngh chuyên ngành Hoá vô c và các chuyên ngành liên quan.

- Kì m tra, b o trì, s a ch a các thi t b chuyên ngành Hoá vô c .

- T ch c qu n lý ch o quá trình s n xu t kinh doanh và tham gia xây d ng d án phát tri n s n xu t.

- Gi ng d y trong các c s ào t o và nghiê n c u khoa h c thu c l nh v c Hoá h c.

#### 3.17.3. C h i th ng ti n trong ngh nghi p

- Qu n lý i u hành công ty thu c lnh v c công ngh hóa h c, Tr ng phòng k thu t...

- H c ti p lên trình i h c.

#### 3.17.4. T l h c viên có vi c làm sau t t nghi p

Sinh viên sau khi t t nghi p có vi c làm úng chuyên ngành 95% .

#### 3.17.5. M c l ng t c

M c l ng t 2.5 tri u – 10 tri u ng.

### 3.18. C nhân Ngành Công ngh k thu t Hóa h c (Chuyên ngành: Công ngh K thu t Hóa H u c )

#### 3.18.1. K n ng ngh nghi p

- Khai thác, v n hành h th ng thi t b chuyên ngành Hoá h u c .

- T ch c, trì n khai và th c hi n chuy n giao công ngh .

- L p t thi t b , xây d ng quy trình công ngh trong chuyên ngành Hoá h u c và các chuyên ngành liên quan.

- Kì m tra, b o trì, s a ch a các thi t b chuyên ngành Hoá h u c .

- T ch c qu n lý ch o quá trình s n xu t kinh doanh và tham gia xây d ng d án phát tri n s n xu t.

- Phân tích ánh giá ch t l ng s n ph m chuyên ngành Hoá h u c .

#### 3.18.2. V trí làm vi c sau khi t t nghi p

- V n hành h th ng thi t b chuyên ngành Hoá h u c (s n, gi y, nh a, gia công cao su, l c hóa d u,...).

- Thi t k và l p t thi t b , xây d ng quy trình công ngh , ti p nh n và chuy n giao công ngh chuyên ngành Hoá h u c và các chuyên ngành liên quan.

- Kì m tra, b o trì, s a ch a các thi t b chuyên ngành Hoá h u c .

- T ch c qu n lý ch o quá trình s n xu t kinh doanh và tham gia xây d ng d án phát tri n s n xu t.

- Gi ng d y trong các c s ào t o và nghiê n c u khoa h c thu c l nh v c Hoá h c.

#### 3.18.3. C h i th ng ti n trong ngh nghi p

- Qu n lý i u hành công ty thu c lnh v c công ngh hóa h c, Tr ng phòng k thu t...

- H c ti p lên trình i h c.

#### 3.18.4. T l h c viên có vi c làm sau t t nghi p

Sinh viên sau khi t t nghi p có vi c làm úng chuyên ngành 95% .

#### 3.18.5. M c l ng t c

M c l ng t 2 tri u – 9 tri u ng.

### 3.19. C nhân Ngành Công ngh k thu t Hóa h c (Chuyên ngành: Công ngh K thu t Hóa phân tích)

#### 3.19.1. K n ng ngh nghi p



- Khai thác, vận hành hệ thống thí nghiệm chuyên ngành Hoá phân tích.
- Thiết kế, triển khai và thực hiện chuyên ngành giao công nghệ.
- Lập kế hoạch thí nghiệm, xây dựng quy trình công nghệ chuyên ngành Hoá phân tích và các chuyên ngành liên quan.
- Kiểm tra, báo tri, sắp xếp các thí nghiệm chuyên ngành Hoá phân tích.
- Thiết kế quy trình công nghệ quá trình sản xuất kinh doanh và tham gia xây dựng dự án phát triển trong lĩnh vực phân tích.
- Phân tích đánh giá chất lượng sản phẩm và giám sát quy trình các vận hành sản xuất trong thực tiễn của chuyên ngành Hoá phân tích.

#### 3.19.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Vận hành hệ thống thí nghiệm và quy trình phân tích.
- Thiết kế và lập kế hoạch thí nghiệm, xây dựng quy trình công nghệ, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ chuyên ngành Hoá phân tích.
- Kiểm tra, báo tri, sắp xếp các thí nghiệm chuyên ngành Hoá phân tích.
- Thiết kế quy trình công nghệ quá trình sản xuất kinh doanh và tham gia xây dựng dự án phát triển sản xuất.
- Giám sát trong các cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực Hoá học.

#### 3.19.3. Hình thức công tác trong nghề nghiệp

- Quản lý lưu hành công ty thuộc lĩnh vực công nghệ hóa học, Trung phòng kỹ thuật...
- Hoạt động lên trình giảng dạy.

#### 3.19.4. Tỷ lệ học viên có việc làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm ứng dụng chuyên ngành 95%.

#### 3.19.5. Mức lương tối thiểu

Mức lương từ 2 triệu – 9 triệu đồng.

### 3.20. Chuyên Ngành Kỹ Thuật Nam Học (Chuyên ngành: Hàng Dệt Dệt)

#### 3.20.1. Kiến thức nghiệp vụ

- Có kiến thức cơ bản, thực tiễn hoạt động hàng dệt tham quan theo các tuyến, điểm và các khu (trung tâm) dệt.
- Có phương pháp làm việc khoa học, biết phân tích và giám sát các vận hành sản xuất trong hoạt động hàng dệt tham quan, đúc kết kinh nghiệm hình thành tư duy sáng tạo.
- Giao tiếp tiếng Anh mức thành thạo trong các tình huống xã hội và chuyên môn.
- Nghiên cứu khoa học và các vận chuyển chuyên môn.
- Sử dụng thành thạo phần mềm chuyên ngành và ứng dụng như Excel, Access, Word
- Có khả năng giao tiếp xã hội và kinh doanh (âm phán, soạn thảo văn bản, diễn thuyết...), làm việc theo nhóm.

#### 3.20.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Sau khi tốt nghiệp, chuyên ngành Kỹ Thuật Nam Học (chuyên ngành Hàng Dệt Dệt) trở thành Hàng Dệt Dệt viên ngành Dệt;
- Nghiên cứu và giám sát vận hành Kỹ Thuật Nam Học;
- Cán bộ trong các cơ quan ngoại giao, các tổ chức quốc tế, cơ quan đi biển, văn phòng thông tin.
- Nhân viên các tổ chức chính phủ và phi chính phủ trong và ngoài nước.

#### 3.21.3. Hình thức công tác trong nghề nghiệp

- Quản lý lưu hành công ty dệt, nhà hàng...
- Hoạt động lên trình giảng dạy.

#### 3.22.4. Tỷ lệ học viên có việc làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm ứng dụng chuyên ngành 95%.

#### 3.23.5. Mức lương tối thiểu

Mức lương từ 3 triệu – 7 triệu đồng.

## 4. LIÊN THÔNG CAO HỌC – ĐẠI HỌC

(Xem thông tin trên website <http://hau.edu.vn>)

### 5.1. TCCN ngành Công nghệ chế tạo

#### 5.1.1. Kiến thức nghề nghiệp



- Thiết kế và tính toán các quy trình công nghệ gia công cơ khí;
- Sử dụng các thiết bị truyền thống và công nghệ cao chế tạo sản phẩm;
- Có kiến thức quản lý và chi phối quá trình sản xuất, hoạt động dịch vụ khách hàng có liên quan đến lĩnh vực cơ khí;
- Sử dụng phần mềm thiết kế kỹ thuật, lập trình và kiểm tra;
- Làm việc cá nhân và làm việc nhóm;
- Có tác phong công nghiệp.

#### 5.1.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Làm việc tại các cơ sở chế tạo, lắp ráp, bảo trì, bảo dưỡng vận hành thiết bị cơ khí;
- Làm việc trong các phòng công nghệ và nghiên cứu thiết kế sản phẩm cơ khí;
- Quản lý, Giám sát, điều hành sản xuất.

#### 5.1.3. Chức năng nhiệm vụ trong nghề nghiệp

- Có kiến thức quản lý, điều hành, marketing sản xuất trong các sản phẩm cơ khí;
- Học liên thông lên Cao đẳng, Đại học.

#### 5.1.4. Tỷ lệ Học sinh có việc làm sau tốt nghiệp

Học sinh sau khi tốt nghiệp có việc làm ứng dụng chuyên ngành 96%.

#### 5.1.5. Mức lương tối thiểu

Mức lương từ 3 triệu – 5 triệu đồng.

### 5.2. TCCN ngành Bảo trì sửa chữa thiết bị cơ khí

#### 5.3.1. Kiến thức nghề nghiệp

- Lập kế hoạch tổ chức, thi công, sửa chữa và khai thác các máy móc và thiết bị cơ khí phục vụ sản xuất;
- Phân tích các sai hỏng, lập quy trình công nghệ sửa chữa và thi công phục vụ các chi tiết cơ khí;
- Có kiến thức về bảo trì, bảo dưỡng các trang thiết bị công nghiệp;
- Có kiến thức về thi công và thi công khai thác chi tiết cơ khí, khí nén – thủy lực;
- Làm việc cá nhân và làm việc nhóm, có tác phong công nghiệp.

#### 5.3.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Làm việc trực tiếp tại các cơ sở bảo trì, sửa chữa, phục vụ và lắp ráp cơ khí;
- Làm công tác bảo trì bảo dưỡng các thiết bị cơ khí, khí nén – thủy lực;
- Quản lý, Giám sát, điều hành sản xuất.

#### 5.3.3. Chức năng nhiệm vụ trong nghề nghiệp

- Có kiến thức quản lý, điều hành, marketing sửa chữa trong các khai thác sản phẩm và kinh doanh thiết bị cơ khí;
- Học liên thông lên Cao đẳng, Đại học.

#### 5.3.4. Tỷ lệ Học sinh có việc làm sau tốt nghiệp

Học sinh sau khi tốt nghiệp có việc làm ứng dụng chuyên ngành 95%.

#### 5.3.5. Mức lương tối thiểu

Mức lương từ 3 triệu – 4 triệu đồng.

### 5.3. TCCN ngành Bảo trì và sửa chữa ô tô

#### 5.3.1. Kiến thức nghề nghiệp

- Th c hi n c công vi c tháo, l p, ki m tra các b ph n và các h th ng c b n trong ô tô - xe máy;
- L p c quy trình và th c hi n c các công vi c b o d ng và s a ch a ô tô - xe máy;
- Phân tích nguyên nhân gây sai h ng ô tô và xu t các bi n pháp b o d ng và s a ch a;
- Ch ng trong công vi c và t ch c nhóm làm vi c.

#### 5.3.2. V trí làm vi c sau khi t t nghi p

- K thu t viên s a ch a ô tô - xe máy;
- C v n d ch v b o d ng và s a ch a;
- Công nhân các nhà máy ch t o, l p ráp ô tô.

#### 5.3.3. C h i th ng ti n trong ngh nghi p

- Qu n lý t s n xu t;
- B i d ng nâng cao tay ngh và kinh nghi m;
- Tu nghi p sinh t i Nh t b n, Hàn qu c;
- H c liên thông lên Cao ng, i h c.

#### 5.3.4. T l H c sinh có vi c làm sau t t nghi p

H c sinh sau khi t t nghi p có vi c làm ứng chuyên ngành 90%.

#### 5.3.5. M c l ng t c

M c l ng t 2 tri u – 5 tri u ng.



### 5.4. TCCN ngành i n công nghi p và dân d ng

#### 5.4.1. K n ng ngh nghi p

- L p t và t ch c l p t ứng yêu c u k thu t cho h th ng c p i n c a m t xí nghi p, m t phân x ng v a và nh ;
- S a ch a, b o trì và chnh nh các thi t b i n trên các dây chuy n s n xu t, m b o ứng trình t và ứng yêu c u k thu t;
- Phán oán ứng và s a ch a c các h h ng th ng g p trong các h th ng i u khi n t ng c b n;
- V n hành c nh ng h th ng i u t c t ng;



- c, hi u và t l p t, v n hành c các thi t b i n, công ngh hi n i, nâng cao khi có h ng d n l p t và h ng d n s d ng;
- L p t và v n hành các thi t b m b o an toàn n i t và an toàn cháy n ;
- Có k n ng giao ti p, t ch c và làm vi c nhóm.

#### 5.4.2. V trí làm vi c sau khi t t nghi p

- Các nhà máy xí nghi p, m nhi m nhi m v k thu t viên ho c tr c ti p v n hành b o trì b o d ng các thi t b i n, các dây truy n s n xu t;
- Các chi nhánh i n.

#### 5.4.3. C h i th ng ti n trong ngh nghi p

H c liên thông lên Cao ng, i h c.

#### 5.4.4. T l H c sinh có vi c làm sau t t nghi p

H c sinh sau khi t t nghi p có vi c làm ứng chuyên ngành 90%.

#### 5.4.5. M c l ng t c

M c l ng t 2 tri u – 8 tri u ng.

### 5.5. TCCN ngành Công ngh k thu t nhi t

#### 5.5.1. K n ng ngh nghi p

- L p t và t ch c l p t ứng yêu c u k thu t cho h th ng i u hoà không khí, h th ng l nh, kho l nh;
- S a ch a, b o trì và chnh nh các thi t b nhi t l nh m b o ứng trình t và ứng yêu c u k thu t;
- Phán oán ứng và s a ch a c các h h ng th ng g p trong các h th ng i u hoà không khí, h th ng l nh, kho l nh;

- V n hành c nh ng h th ng i u hoà không khí, h th ng l nh, kho l nh;
- c, hi u và t l p t, v n hành c các thi t b , h th ng i u hoà không khí, h th ng l nh, kho l nh s d ng công ngh hi n i, khi có h ng d n l p t và h ng d n s d ng.
- L p t và v n hành các thi t b m b o an toàn n i t và an toàn cháy n ;
- Có k n ng giao ti p, t ch c và làm vi c nhóm.

#### 5.5.2. V trí làm vi c sau khi t t nghi p

- T i các nhà máy xí nghi p, m nhi m nhi m v k thu t viên ho c tr c ti p v n hành b o trì b o d ng các thi t b l nh, các kho l nh và tr m l nh, các h th ng i u hoà trung tâm;
- T i các nhà hàng khách s n, các trung tâm th ng m i.

#### 5.5.3. C h i th ng ti n trong ngh nghi p

H c liên thông lên Cao ng, i h c.

#### 5.5.4. T l H c sinh có vi c làm sau t t nghi p

H c sinh sau khi t t nghi p có vi c làm úng chuyên ngành 89%.

#### 5.5.5. M c l ng t c

M c l ng t 2 tri u – 8 tri u ng.

### 5.6. TCCN Ngành i n t công nghi p và dân d ng

#### 5.6.1. K n ng ngh nghi p

- Th c hi n các công ngh ch t o l p ráp, s a ch a các thi t b i n t dân d ng, công nghi p;
- L p c quy trình công ngh , thay th m ng, c m ho c linh ki n trong các thi t b i n t dân d ng, công nghi p;
- Thi t k và l p c quy trình công ngh l p ráp, s a ch a và ph c h i các thi t b i n t thông d ng;
- Có k n ng qu n lý, i u hành m t t s n xu t các phân x ng s n xu t ho c s a ch a thi t b i n t .

#### 5.6.2. V trí làm vi c sau khi t t nghi p

- Qu n lý, i u hành m t t s n xu t trong dây chuy n l p ráp linh ki n i n t ho c mô t s a ch a và b o hành thi t b i n t công nghi p và dân d ng;

- Thành l p và i u hành c s d ch v s a ch a i n t t nhân.

#### 5.6.3. C h i th ng ti n trong ngh nghi p

H c liên thông lên Cao ng, i h c.

#### 5.6.4. T l H c sinh có vi c làm sau t t nghi p

H c sinh sau khi t t nghi p có vi c làm úng chuyên ngành 95%.

#### 5.6.5. M c l ng t c

M c l ng t 2 tri u – 5 tri u ng.



### 5.7. TCCN ngành Tin h c ng d ng

#### 5.7.1. K n ng ngh nghi p

- Tham gia các d án ph n m m tin h c v i t cách: l p trình viên, thành viên c a d án;
- Qu n tr d li u, qu n tr m ng, qu n tr website cho các t ch c, doanh nghi p, công ty;
- Kinh doanh các s n ph m và d ch v công ngh thông tin;
- V n hành, b o trì và phát tri n h th ng thông tin cho các c quan, tr ng h c, doanh nghi p;
- S d ng thành th o các h th ng d li u quan h ph bi n;
- V n hành và b o trì h th ng m ng c c b cho các c quan, doanh nghi p.



#### 5.7.2. V trí làm vi c sau khi t t nghi p

- Các công ty ph n m m:
- Các công ty t v n, thi công: thi công theo b n thi t k v m ng;
- Các công ty phân ph i và b o trì các thi t b máy tính;
- B ph n v n hành và phát tri n công ngh thông tin c a các c quan, nhà máy, tr ng h c, ngân hàng... các doanh nghi p có ng d ng công ngh thông tin;
- Các công ty v l nh v c qu ng cáo, truy n thông;

- Các trình độ trung học cơ sở, tiểu học.

5.7.3. Chức năng trong nghề nghiệp

Liên thông lên Cao đẳng, đại học.

5.7.4. Thời hạn sinh có việc làm sau tốt nghiệp

Liên thông sau khi tốt nghiệp có việc làm chuyên ngành 90%.

5.7.5. Mức lương tối thiểu

Mức lương 2 triệu – 4 triệu đồng.

## 5.8. TCCN Ngành Kế toán doanh nghiệp

5.8.1. Kiến thức nghề nghiệp

- Hiểu biết vai trò của nhân viên kế toán;

- Biết lập kế hoạch tài chính, kiểm tra, phân loại, xử lý kế hoạch kế toán;

- Sử dụng kế hoạch kế toán trong ghi sổ kế toán tổng hợp và chi tiết;

- Lập báo cáo kế toán tài chính và báo cáo thuế của doanh nghiệp;

- Hiểu và hiểu báo cáo tài chính doanh nghiệp;

- Hiểu và hiểu kế hoạch tài chính doanh nghiệp;

- Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán doanh nghiệp thông dụng trên máy tính phổ biến công việc;

- Biết sử dụng kỹ năng thực vụ nghiệp vụ hành chính số nhà ở văn bản;

- Có khả năng tài liệu kế toán, có khả năng làm việc độc lập khi cần phân công nhiệm vụ.

- Làm việc độc lập và làm việc nhóm;

- Giao tiếp tốt trong công việc.

5.8.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp liên thông có thể làm việc tại các doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp thương mại, dịch vụ, các đơn vị hành chính sự nghiệp và có thể thực hiện các nhiệm vụ:

- Kế toán văn bản nghiệp vụ và quản lý nhân sự;

- Kế toán công nợ phải thu, phải trả;

- Kế toán Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ;

- Kế toán Tài sản cố định và đầu tư dài hạn;

- Kế toán Tổng hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm, dịch vụ;

- Kế toán Thuế và xác nhận kết quả;

- Kế toán Thuế;

- Kế toán Nguồn vốn, nguồn kinh phí;

- Kế toán Phân phối thu nhập;

- Kế toán thu, chi nguồn kinh phí;

- Lập báo cáo tài chính;

- Thực hiện báo cáo, lưu trữ tài liệu kế toán theo quy định.

5.8.3. Chức năng trong nghề nghiệp

Liên thông lên Cao đẳng, đại học.

5.8.4. Thời hạn sinh có việc làm sau tốt nghiệp

Liên thông sau khi tốt nghiệp có việc làm chuyên ngành 85%.

5.8.5. Mức lương tối thiểu

Mức lương 2 triệu – 5 triệu đồng.

## 6. CAO ĐẲNG NGHỀ

### 6.1. CNC gia công kim loại

6.1.1. Kiến thức nghề nghiệp

- Có kiến thức công nghệ gia công cắt gọt kim loại (có thể duy trì thu nhập cắt gọt kim loại);

- Có kiến thức sử dụng thành thạo các loại máy công cụ truyền thống và hiện đại (Máy CNC: Tiện, Phay, Cắt dây và Xung điện) gia công các chi tiết cơ khí;

- Lập kế hoạch sản xuất công nghệ gia công chi tiết cơ khí trên giấy và trên phần mềm;

- Có tác phong công nghiệp.

6.1.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp



- Làm việc tại các cơ sở chế tạo thiết bị khí;
- Làm việc trực tiếp trong các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thiết bị, phụ tùng khí, hoặc có thể sử dụng các trang bị kỹ thuật hiện tại trong dây chuyền sản xuất;
- Giáo viên dạy nghề trong các cơ sở đào tạo nghề.

#### 6.1.3. Chức năng nhiệm vụ trong nghề nghiệp

- Có khả năng quản lý, tổ chức sản xuất mặt hàng sản xuất khí và van;
- Có khả năng rèn luyện kỹ năng trở thành thợ kỹ thuật có trình độ kỹ thuật cao;
- Có thể có các hình thức liên thông lên cao hơn.

6.1.4. Tỷ lệ Sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp  
Sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm ứng dụng nghề nghiệp đạt 90%.

6.1.5. Mức lương  
Mức lương từ 2 triệu – 5 triệu đồng.



### 6.2. Công Nghệ Sản Xuất Cơ Khí Công Nghiệp

#### 6.2.1. Kỹ thuật chế tạo máy

- Có kiến thức công nghệ về bố trí thiết bị khí (có thể duy trì kỹ thuật về bố trí, phân tích các thiết bị khí);
- Có khả năng sản xuất, bố trí thành thạo các loại máy công cụ chuyên dụng và các máy hiện tại;
- Lập kế hoạch án công nghệ sản xuất, bố trí các máy móc sản xuất khí theo yêu cầu kỹ thuật;
- Có tác phong công nghiệp.

#### 6.2.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Làm việc trực tiếp tại các cơ sở sản xuất, sản xuất, phân tích và lắp ráp các thiết bị khí;
- Làm công tác bố trí, bố trí các thiết bị khí, khí nén – thủy lực.

- Giáo viên dạy nghề trong các cơ sở đào tạo nghề.

#### 6.2.3. Chức năng nhiệm vụ trong nghề nghiệp

- Có khả năng quản lý, tổ chức mặt hàng sản xuất và van;
- Rèn luyện kỹ năng trở thành chuyên gia sản xuất;
- Có thể có các hình thức liên thông lên cao hơn.

6.2.4. Tỷ lệ Sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp  
Sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm ứng dụng nghề nghiệp đạt 94%.

6.2.5. Mức lương  
Mức lương từ 2 triệu – 5 triệu đồng.



### 6.3. Công Nghệ Chế Tạo

#### 6.3.1. Kỹ thuật chế tạo máy

- Có thể duy trì kỹ thuật về các thiết bị, gia công chi tiết;
- Có khả năng sản xuất thành thạo các loại máy công cụ chuyên dụng và hiện tại (Máy CNC: Tiện, Phay, Cắt dây và Xung điện) gia công các chi tiết khí;
- Có khả năng thành thạo các công việc của các thiết bị kỹ thuật kim loại trình độ cao kỹ thuật;
- Lập kế hoạch án công nghệ gia công chi tiết khí theo yêu cầu kỹ thuật;
- Có tác phong công nghiệp.

#### 6.3.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Làm việc trong phân xưởng chế tạo, phân xưởng đúc, phân xưởng lắp ráp các cơ sở sản xuất khí hoặc các nhà máy sản xuất nguyên công, công



o n ch tạo, l p ráp, s a ch a các lo i gá, khuôn m u; S a ch a, hi u ch nh, b o d ng các lo i d ng c o ki m;

- Qu n c phân x ng;
- Giáo viên d y ngh trong các c s ào t o ngh .

#### 6.3.3. C h i th ng ti n trong ngh nghi p

Có th có c h i h c liên thông lên i h c.

#### 6.3.4. T l Sinh viên có vi c làm sau t t nghi p

Sinh viên sau khi t t nghi p có vi c làm ứng ngh t t l 97%.

#### 6.3.5. M c l ng t c

M c l ng t 2 tri u – 5 tri u ng.

### 6.4. C N i n công nghi p

#### 6.4.1. K n ng ngh nghi p

- L p t và t ch c l p t ứng yêu c u k thu t cho h th ng c p i n c a m t xí nghi p, m t phân x ng v a và nh ;

- S a ch a, b o trì và ch nh nh các thi t b i n trên các dây chuy n s n xu t, m b o ứng trnh t và ứng yêu c u k thu t;

- V n hành c nh ngh h th ng i u t c t ng;

- c, hi u và t l p t, v n hành c các thi t b i n, công ngh hi n i, nâng cao khi có h ng d n l p t và h ng d n s d ng;

- L p t và v n hành các thi t b m b o an toàn n i t và an toàn cháy n ;

- Có k n ng giao ti p, t ch c và làm vi c nhóm.

#### 6.4.2. V trí làm vi c sau khi t t nghi p

- T i các nhà máy xí nghi p các công s , m nhi m vai trò công nhân v n hành b o trì, b o d ng thi t b i n, l i i n h áp;

- Giáo viên d y ngh trong các c s ào t o ngh .

#### 6.4.3. C h i th ng ti n trong ngh nghi p

- Nâng cao n ng l c ngh ;

- Có th có c h i h c liên thông lên i h c.

#### 6.4.4. T l HSSV có vi c làm sau t t nghi p

H c sinh sau khi t t nghi p có vi c làm ứng chuyên ngành 95%.

#### 6.4.5. M c l ng t c

M c l ng t 2 tri u – 6 tri u ng.

### 6.5. C N i n t công nghi p

#### 6.5.1. K n ng ngh nghi p

- Có kh n ng phân tích c u trúc, ch c n ng và nguyên lý ho t ng c a các thi t b , h th ng i n, i n t , i u khi n t ng thông qua s nguyên lý, s u n i và ho t ng c a thi t b , h th ng;

- L p t, v n hành các thi t b , h th ng i n t ; Hàn, tháo/ráp linh ki n và l p ráp các s n ph m i n t qua ó giúp cho h c sinh hình thành k n ng s d ng thành th o các trang thi t b c a ngh , phán oán và s a ch a các h h ng, s c , l p ráp và b o d ng, b o trì các thi t b i n t dân d ng và công nghi p.

#### 6.5.2. V trí làm vi c sau khi t t nghi p

- Qu n lý, i u hành m t t s n xu t trong dây chuy n l p ráp linh ki n i n t ho c làm vi c t i các v trí trong các dây truy n l p ráp, s n xu t thi t b i n t c a trong các khu công nghi p c ng nh các trung tâm b o hành – d ch v sau bán hàng i n t ho c c s s a ch a thi t b i n t ;

- Thành l p và i u hành các c s s a ch a i n t dân d ng và công nghi p t nhân.

- Giáo viên d y ngh trong các c s ào t o ngh .

#### 6.5.3. C h i th ng ti n trong ngh nghi p

- H c liên thông lên i h c.

#### 6.5.4. T l Sinh viên có vi c làm sau t t nghi p

Sinh viên sau khi t t nghi p có vi c làm ứng ngh t t l 85%.



6.5.5. Mục tiêu  
Mục tiêu 2 tri thức – 7 kỹ năng.

## 6.6. Công nghệ thu thập dữ liệu và tích hợp không khí

### 6.4.1. Kiến nghị nghiên cứu

- Lập kế hoạch và tổ chức lập kế hoạch ứng dụng các kỹ thuật cho hệ thống tích hợp không khí, hệ thống thông tin, kho dữ liệu;
- Xác định, bố trí và chuyển đổi các thiết bị như cảm biến, ứng dụng trình bày và ứng dụng các kỹ thuật;
- Phân tích ứng dụng và xác định các hệ thống trong các hệ thống tích hợp không khí, hệ thống thông tin, kho dữ liệu;
- Tổ chức lập kế hoạch, vận hành các thiết bị, hệ thống tích hợp không khí, hệ thống thông tin, kho dữ liệu sử dụng công nghệ hiện đại, khi có hệ thống dữ liệu và hệ thống dữ liệu;
- Lập kế hoạch và vận hành các thiết bị đảm bảo an toàn nội bộ và an toàn cháy nổ;
- Có kế hoạch giao tiếp, tổ chức và làm việc nhóm.

### 6.4.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Tại các nhà máy xử lý nước thải, các trung tâm thông tin, các khu chung cư..., đảm nhiệm vai trò công nhân vận hành bố trí, bố trí thiết bị như kho dữ liệu, các hệ thống tích hợp không khí.

- Giáo viên dạy nghề trong các cơ sở đào tạo nghề.

### 6.4.3. Chất lượng trong nghề nghiệp

- Nâng cao năng lực nghề nghiệp.
- Có thể có thể tích liên thông lên cao hơn.

### 6.4.4. Tỷ lệ HSSV có việc làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm ứng dụng nghề nghiệp đạt 85%.

### 6.4.5. Mục tiêu

Mục tiêu 2 tri thức – 8 kỹ năng.

## 6.7. Công nghệ ô tô

### 6.7.1. Kiến nghị nghiên cứu

- Thiết kế thành thạo công việc tháo, lắp, kiểm tra các bộ phận và các hệ thống trong ô tô;
- Lập kế hoạch quy trình và thiết kế thành thạo công việc chẩn đoán, bố trí và sửa chữa ô tô;
- Lập kế hoạch kiểm soát sản xuất, tổ chức và quản lý các hoạt động sản xuất của doanh nghiệp;
- Đào tạo, bố trí định kỳ kỹ thuật và kỹ năng nghề nghiệp cho các cấp và trung cấp nghề nghiệp.

### 6.7.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Công nhân dịch vụ bố trí và sửa chữa;
- Chuyên gia sửa chữa ô tô;
- Quản lý phân xưởng;
- Giáo viên dạy nghề trong các cơ sở đào tạo nghề nghiệp.

### 6.7.3. Chất lượng trong nghề nghiệp

- Quản lý phân xưởng;
- Bố trí nâng cao nghiệp vụ chuyên môn;
- Tổ chức sinh viên Nhật Bản, Hàn Quốc;
- Có thể có thể tích liên thông lên cao hơn.

### 6.7.4. Tỷ lệ Sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm ứng dụng nghề nghiệp đạt 95%.

### 6.7.5. Mục tiêu

Mục tiêu 3 tri thức – 10 kỹ năng.



## 6.8. Công nghệ toán doanh nghiệp

### 6.8.1. Kiến nghị nghiên cứu

- Lập kế hoạch, kiểm tra, phân loại, xử lý các chứng từ kế toán;
- Sử dụng chứng từ kế toán trong ghi sổ kế toán tổng hợp và chi tiết;

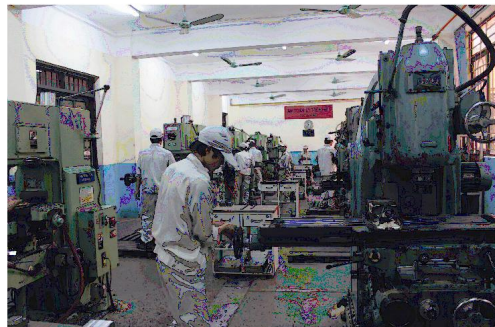


- T ch c công tác tài chính k toán phù h p v i t ng doanh nghi p và t i các n v hành chính s nghi p;
  - L p báo cáo k toán tài chính và báo cáo thu c a doanh nghi p và các n v hành chính s nghi p;
  - Thi t l p m i quan h v i ngân hàng và các t ch c tín d ng;
  - S d ng ph n m m k toán trong vi c th c hi n nghi p v k toán doanh nghi p và k toán t i các n v hành chính s nghi p;
  - K i m tra, ánh giá công tác tài chính, k toán c a doanh nghi p và các n v hành chính s nghi p;
  - K n ng cung c p thông tin kinh t v ho t ng s n xu t kinh doanh c a n v ph c v cho yêu c u lãnh o và qu n lý kinh t n v;
  - Rèn luy n cho ng i h c lòng yêu ngh , có ý th c t ch c k lu t, tác phong công nghi p th c hi n t t các nhi m v c a ngh k toán doanh nghi p;
  - Kh n ng làm vi c c l p, t ch c làm vi c theo nhóm hi u qu ;
  - Kh n ng t tìm vi c làm, t o vi c làm ho c ti p t ch c lên trình cao h n sau khi t t nghi p.
- 6.8.2. V trí làm vi c sau khi t t nghi p
- Th c hi n c công vi c k toán t i các doanh nghi p s n xu t, th ng m i, kinh doanh d ch v và các doanh nghi p kinh doanh xu t nh p kh u;
  - Th c hi n c công vi c k toán t i các n v hành chính s nghi p.
- 6.8.3. C h i th ng ti n trong ngh nghi p
- Có th có c h i h c liên thông lên i h c.
- 6.8.4. T l Sinh viên có vi c làm sau t t nghi p
- Sinh viên sau khi t t nghi p có vi c làm ứng ngh t t l 85%.
- 6.8.5. M c l ng t c
- M c l ng t 2 tri u – 3 tri u ng.

## 7. TRUNG C P NGH

### 7.1. TCN C t g t kim lo i

- 7.1.1. K n ng ngh nghi p
- Có k n ng s d ng thành th o các lo i máy công c truy n th ng và hi n i (Máy CNC: Ti n, Phay, C t dây và Xung i n) gia công các chi ti t c khí;
  - Có k n ng thành th o các công vi c c a th c t g t kim lo i trình trung c p ngh và có th làm c m t s công vi c c a th b c cao h n;
  - L p c ph ng án công ngh gia công chi ti t c khí n gi n;



- Có tác phong công nghi p.

- 7.1.2. V trí làm vi c sau khi t t nghi p
- Làm vi c t i các c s ch t o thi t b c khí;
  - Làm vi c tr c ti p trong các doanh nghi p s n xu t, kinh doanh thi t b , ph tùng c khí.

- 7.1.3. C h i th ng ti n trong ngh nghi p
- Có kh n ng t rèn luy n k n ng tr thành th c khí b c cao;
  - H c liên thông cao ng, i h c.

- 7.1.4. T l H c sinh có vi c làm sau t t nghi p
- H c sinh sau khi t t nghi p có vi c làm ứng ngh t t l 95%.

- 7.1.5. M c l ng t c
- M c l ng t 2 tri u – 4 tri u ng.

### 7.2. TCN Ngu i s a ch a máy công c

- 7.2.1. K n ng ngh nghi p
- Có kh n ng s a ch a, b o d ng thành th o các lo i máy phay, ti n, bào x c, mài thông d ng và các thi t b c khí;
  - L p ph ng án công ngh s a ch a các thi t b c khí n gi n;
  - Có k n ng thành th o các công vi c c a th s a ch a trình trung c p ngh và có th làm c m t s công vi c c a th b c cao h n.



#### 7.2.2. V trí làm vi c sau khi t t nghi p

- Làm vi c tr c ti p t i các c s b o tri, s a ch a, ph c h i và l p ráp các thi t b c khí;
- Làm công tác b o tri, b o d ng các thi t b c khí, khí nén – th y l c.

#### 7.2.3. C h i th ng ti n trong ngh nghi p

- Có kh n ng t rên luy n k n ng tr thành th s a ch a lành ngh ;
- Có th có c h i h c liên thông cao ng, i h c.

#### 7.1.4. T l H c sinh có vi c làm sau t t nghi p

H c sinh sau khi t t nghi p có vi c làm úng ngh t t l trên 95%.

#### 7.2.5. M c l ng t c

M c l ng t 2 tri u – 4,5 tri u ng.

### 7.3. TCN Ngu i ch t o

#### 7.3.1. K n ng ngh nghi p

- S d ng úng và thành th o các lo i thi t b , d ng c ngh ngu i ch t o l p ráp, s a ch a, hi u ch nh, b o d ng các lo i gá, d ng c o ki m, khuôn m u;

- Thành th o các công vi c c a th có trình trung c p ngh , có th làm c m t s công vi c c a th b c cao h n và m t s công ngh cao trên các thi t b hi n i.

#### 7.3.2. V trí làm vi c sau khi t t nghi p

- Làm vi c trong phân x ng ch t o, phân x ng d ng c , phân x ng t d p c a các c s s n xu t c khí th c hi n m t hay m t s nguyên công, công o n ch t ao, l p ráp, s a ch a các lo i gá, khuôn m u;

- S a ch a, hi u ch nh, b o d ng các lo i d ng c o ki m.

#### 7.3.3. C h i th ng ti n trong ngh nghi p

- Có kh n ng t rên luy n k n ng tr thành th có trình k n ng ngh b c cao v ch t o khuôn m u;

- Có th có c h i h c liên thông cao ng, i h c.

#### 7.3.4. T l H c sinh có vi c làm sau t t nghi p

H c sinh sau khi t t nghi p có vi c làm úng ngh t t l trên 95%.

#### 7.3.5. M c l ng t c

M c l ng t 2 tri u – 4 tri u ng.



### 7.4. TCN i n công nghi p

#### 7.4.1. K n ng ngh nghi p

- L p t các thi t b i n công nghi p và dân d ng c v a và nh theo úng yêu c u k thu t;

- S a ch a, b o tri và ch nh nh các thi t b i n thông d ng m b o úng trình t và úng yêu c u k thu t;

- Có kh n ng l p t, v n hành c các thi t b i n, công ngh hi n i, nâng cao khi có h ng d n l p t và h ng d n s d ng;



- V n hành các thi t b i n và các máy i n thông d ng m b o úng qui trình k thu t.

- L p t và v n hành c l i i n h áp c a m t xí nghi p, m t phân x ng v a và nh m b o úng k thu t, an toàn n i t và an toàn cháy n ;

- Có k n ng giao ti p, t ch c và làm vi c nhóm.

#### 5.4.2. V trí làm vi c sau khi t t nghi p

T i các nhà máy xí nghi p các công s , m nhi m vai trò công nhân v n hành b o tri, b o d ng thi t b i n, l i i n h áp.

#### 5.4.3. C h i th ng ti n trong ngh nghi p

- Nâng cao n ng l c ngh ;

- Có th có c h i h c liên thông cao ng, i h c.

#### 7.4.4. T l H c sinh có vi c làm sau t t nghi p

H c sinh sau khi t t nghi p có vi c làm úng ngh t t l 98%.

#### 7.4.5. M c l ng t c

M c l ng t 2 tri u – 4 tri u ng.

## 7.5. TCN i n t công nghi p

### 7.5.1. K n ng ngh nghi p

S d ng thành th o các trang thi t b c a ngh , phán oán và s a ch a các h h ng, s c , l p ráp và b o d ng các thi t b i n t dân d ng và công nghi p.

### 7.5.2. V trí làm vi c sau khi t t nghi p

- Làm vi c trong các dây truy n l p ráp, s n xu t thi t b i n t c a các khu công nghi p c ng nh các trung tâm b o hành – d ch v sau bán hàng i n t ho c c s s a ch a thi t b i n t ;
- Thành l p và i u hành các c s s a ch a i n t dân d ng và công nghi p t nhân.

### 7.5.3. C h i th ng ti n trong ngh nghi p

- Có th có c h i h c liên thông cao ng, i h c.

### 7.5.4. T l H c sinh có vi c làm sau t t nghi p

H c sinh sau khi t t nghi p có vi c làm ứng ngh t t l 85%.

### 7.5.5. M c l ng t c

M c l ng t 2 tri u – 5 tri u ng.

## 7.6. TCN K thu t máy l nh và i u hòa không khí

### 7.6.1. K n ng ngh nghi p

- L p t ứng yêu c u k thu t cho h th ng i u hoà không khí, h th ng l nh, kho l nh c v a và nh ;
- S a ch a, b o trì và ch nh nh các thi t b nhi t l nh thông d ng m b o ứng trình t và ứng yêu c u k thu t;
- V n hành c các thi t b, h th ng i u hoà không khí, h th ng l nh, kho l nh;
- L p t và v n hành các thi t b m b o an toàn n i t và an toàn cháy n ;
- Có k n ng giao ti p, t ch c và làm vi c nhóm.

### 7.6.2. V trí làm vi c sau khi t t nghi p

T i các nhà máy xí nghi p các công s , các trung tâm th ng m i, các khu chung c ...., m nhi m vai trò công nhân v n hành b o trì, b o d ng thi t nhi t l nh, kho l nh, các h th ng i u hoà không khí.

### 7.6.3. C h i th ng ti n trong ngh nghi p

- Nâng cao n ng l c ngh ;
- Có th có c h i H c liên thông lên Cao ng, i h c.

### 7.6.4. T l H c sinh có vi c làm sau t t nghi p

H c sinh sau khi t t nghi p có vi c làm ứng ngh t t l trên 95%.

### 7.6.5. M c l ng t c

M c l ng t 2 tri u – 7 tri u ng.

## 7.7. TCN Công ngh ô tô

### 7.7.1. K n ng ngh nghi p

- Th c hi n thành th o công vi c tháo, l p, ki m tra các b ph n và các h th ng c b n trong ô tô;
- Phân tích nguyên nhân gây sai h ng ô tô và xu t các bi n pháp b o d ng và s a ch a;
- Th c hi n c các công vi c b o d ng và s a ch a ô tô ứng quy trình k thu t;
- Ch ng trong công vi c và t ch c nhóm làm vi c, tham gia các h i thi tay ngh , kèm c p các th bậc d i.

### 7.7.2. V trí làm vi c sau khi t t nghi p

- Công nhân s a ch a ô tô;
- Công nhân các nhà máy ch t o, l p ráp ô tô;
- T tr ng t s n xu t.

### 7.7.3. C h i th ng ti n trong ngh nghi p

- Qu n lý t s n xu t;
- B i d ng nâng cao tay ngh và kinh nghi m;
- Tu nghi p sinh t i Nh t b n, Hàn qu c;
- Có th có c h i h c liên thông lên Cao ng, i h c.

### 7.7.4. T l H c sinh có vi c làm sau t t nghi p

H c sinh sau khi t t nghi p có vi c làm ứng ngh t t l 95%.

### 7.7.5. M c l ng t c

M c l ng t 1,5 tri u – 4 tri u ng.



## 7.8. TCN K toán doanh nghiệp

### 7.8.1. Kiến nghị nghiệp

- Lập kế hoạch ngắn hạn, kế hoạch trung hạn, kế hoạch dài hạn;
- Sử dụng kế hoạch kế toán trong ghi sổ kế toán tổng hợp và chi tiết;
- Tổ chức công tác kế toán phù hợp với doanh nghiệp;
- Lập báo cáo kế toán tài chính và báo cáo thuế của doanh nghiệp;
- Phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp;
- Kiểm tra, đánh giá công tác tài chính, kế toán của doanh nghiệp;
- Cung cấp các thông tin kinh tế và hoạt động sản xuất kinh doanh của nhân viên phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế nhân viên;
- Lập kế hoạch tài chính doanh nghiệp;
- Sử dụng thành thạo 2-3 phần mềm kế toán doanh nghiệp thông dụng.

### 7.8.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi học xong ngành Kế toán doanh nghiệp, học sinh có thể làm việc tại các công ty kế toán tại các doanh nghiệp sản xuất, thương mại, kinh doanh dịch vụ.

### 7.8.3. Cơ hội thi tuyển trong ngành nghiệp

Có thể có thể liên thông lên Cao đẳng, Đại học.

### 7.8.4. Tỷ lệ Học sinh có việc làm sau tốt nghiệp

Học sinh sau khi tốt nghiệp có việc làm ứng dụng nghề nghiệp đạt trên 80%.

### 7.8.5. Mức lương tính

Mức lương 1.5 triệu – 3 triệu đồng.

## 8. CẤP, TCN SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ NHẬT BẢN

(Chương trình hợp tác giữa Công nghiệp Hà Nội – JICA Nhật Bản)

### 8.1. Cao đẳng nghề Công nghệ Kỹ thuật

#### 8.1.1. Kiến nghị nghiệp

- Vận hành các loại máy tiện, phay, mài phẳng, mài tròn, khoan, doa, máy tiện CNC, máy phay CNC, Trung tâm gia công CNC...;
- Thiết kế các chi tiết máy trên máy tính;
- Chế tạo, gia công các sản phẩm phục vụ cho nhu cầu công nghiệp như: khuôn đúc nhựa, khuôn dập chi tiết máy...;
- Sử dụng máy tính lập trình gia công các chi tiết trên các phần mềm CAD/ CAM/CNC...;
- Có tác phong công nghiệp.

#### 8.1.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Làm việc tại các công ty liên doanh của Nhật Bản;
- Làm việc tại các cơ sở chế tạo thiết bị cơ khí;

#### 8.1.3. Cơ hội thi tuyển trong ngành nghiệp

- Làm công tác quản lý, giám sát quản trị trong các công ty như: TOHO, MUTO, STANLEY, FUJIKIN...;
- Đầu tư nghiệp sinh làm việc tại Nhật Bản;
- Có khả năng rèn luyện kỹ năng trở thành thợ cơ khí có trình độ kỹ thuật cao;
- Có thể có thể liên thông lên Đại học.

#### 8.1.4. Tỷ lệ Sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm ứng dụng nghề nghiệp đạt 90%.

#### 8.1.5. Mức lương tính

Mức lương 3 triệu – 5 triệu đồng.



### 8.2. Cao đẳng nghề Điện công nghiệp

#### 8.2.1. Kiến nghị nghiệp

Sau khi t t nghi p sinh viên t c k n ng ngh theo tiêu chu n Nh t B n.

- Thi t k , l p ráp, s a ch a thay th , b o đ ng các thi t b i u khi n i n- i n t trong công nghi p và dân đ ng (H th ng i u khi n, h th ng khí nén, i n t ng hóa ...);

- Thi t k h th ng i u khi n s đ ng PLC, vi i u khi n;

- Phân tích, ánh giá a ra gi i pháp thay th c i t n. Có kh n ng đ ng các thành t u khoa h c và công ngh m i vào th c t s n xu t;

- T ch c làm vi c theo nhóm (h ng đ n, i u hành, giám sát c công vi c th c hi n trong nhóm...).

8.2.2. V trí làm vi c sau khi t t nghi p

- Là k thu t viên, t tr ng...t i các nhà máy xí nghi p liên doanh v i n c ngoài và trong n c.

8.2.3. C h i th ng ti n trong ngh nghi p

- Có th th ng ti n lên các v trí nh : Tr ng nhóm s n xu t, Qu n c phân x ng, ph trách k thu t...

- Có th có c h i h c liên thông lên i h c.

8.2.4. T l Sinh viên có vi c làm sau t t nghi p

Sinh viên sau khi t t nghi p có vi c làm ứng ngh t t l 95%.

8.2.5. M c l ng t c

M c l ng t 3,5 n 9,5 tri u ng.



### 8.3. Cao ng ngh Hàn

8.3.1. K n ng ngh nghi p

- S đ ng thành th o các đ ng c , thi t b c a ngh ; b o đ ng, s a ch a m t s h h ng th ng g p;

- Thành th o các công vi c trong hàn h quang tay; Làm t t các công ngh c b n trong hàn c t khí, hàn MAG, hàn MIG, hàn TIG, gõ, c t, d p, u n trên máy i u khi n s NC, CNC;

- Tính toán thi t k các k t c u hàn;

- L p trình cho các máy CNC ( t- d p, u n, Robot hàn);

- Có k n ng ki m tra, ánh giá ch t l ng s n ph m b ng ph ng pháp thông th ng và ph ng pháp tiên ti n trên các thi t b hi n i (siêu âm, ch p X quang...).

8.3.2. V trí làm vi c sau khi t t nghi p

Sau khi k t thúc khoá h c, ng i h c có th làm vi c trong các l nh v c nh :

- K thu t viên hàn(bao g m: Hàn khí, c t khí, hàn i m, rôbot hàn, hàn TIG, MIG,MAG...) ch t o các k t c u hàn b ng kim lo i trong xây đ ng, ch t o máy, ô tô và óng tàu;

- K thu t viên i u khi n, l p trình các lo i máy t CNC, máy s n NC và các lo i máy c t, d p;

- c bi t các h c viên sau khi h c xong các n i dung c b n c a khoá h c ho c k t thúc khoá h c n u có nhu c u i xu t kh u lao ng s tiêu chu n k thu t và c u tiên trong tuy n ch n (nh t là th tr ng Nh t b n- hi n nay ã có hàng tr m Th c t p sinh ã và ang làm vi c Nh t theo h c ngành Gia công kim lo i t m và Hàn);

8.3.3. C h i th ng ti n trong ngh nghi p

- Làm công tác qu n lý(t tr ng, c công..) gi các v trí quan tr ng trong các Công ty.

- Có kh n ng t rèn luy n k n ng tr thành th c khí có trình k n ng ngh b c cao;

- Có th có c h i h c liên thông lên i h c.

8.3.4. T l Sinh viên có vi c làm sau t t nghi p

T t c các SV t t nghi p u có vi c làm ứng ngh ào t o (hi n nhà tr ng ang nh n c r t nhi u yêu c u tuy n đ ng nh ng không lao ng).

8.3.5. M c l ng t c

M c l ng t 3,5 n 5 tri u ng.

### 8.4. Trung c p ngh C t g t kim lo i

8.4.1. K n ng ngh nghi p

- Có k n ng s đ ng thành th o các lo i máy ti n, phay, mài ph ng, mài tròn, khoan, doa, máy ti n CNC, máy phay CNC, Trung tâm gia công CNC, C t dây và Xung i n gia công các chi ti t c khí;



- Có kỹ năng thành thạo các công việc cơ bản thực tế kỹ thuật trung cấp nghề và có thể làm công việc công việc cơ bản cao hơn;
- Lập kế hoạch án công nghệ gia công chi tiết cơ khí chính xác;
- Có tác phong công nghiệp.

#### 8.4.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Làm việc tại các cơ sở chế tạo chi tiết cơ khí;
- Làm việc trực tiếp trong các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh chi tiết, phụ tùng cơ khí.

#### 8.4.3. Cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp

- Có khả năng tự rèn luyện kỹ năng trở thành thợ cơ khí bậc cao;
- Có thể có các hình thức liên thông cao đẳng, đại học.

#### 8.4.4. Tỷ lệ HCS sinh có việc làm sau tốt nghiệp

HCS sinh sau khi tốt nghiệp có việc làm ứng dụng nghề nghiệp tỷ lệ trên 95%.

#### 8.4.5. Mức lương tối thiểu

Mức lương từ 2 triệu – 5 triệu đồng.

### 8.5. Trung cấp nghề Gia công kim loại tấm

#### 8.5.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Kỹ thuật viên ngành hàn (bao gồm: Hàn khí, cắt khí, hàn điện, hàn robot, hàn TIG, MIG, MAG...) chế tạo các kết cấu hàn bằng kim loại trong xây dựng, chế tạo máy, ô tô và đóng tàu.
- Kỹ thuật viên điều khiển các loại máy CNC, máy số NC và các loại máy cắt, dập.

#### 8.5.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Làm việc ứng dụng chuyên ngành các doanh nghiệp trong nước như: Noble, Standar, Trường Học Auto, Le Group...
- Lao động và tự nghiệp sinh Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, CH Séc...

- Ngành GCKL tấm gang nhôm các hệ thống trực tiếp công ty AMADA của Nhật Bản và các thị trường và phần mềm chuyên dụng như: AP-100.

#### 8.5.3. Cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp

- Làm việc trong môi trường công nghiệp hiện đại các nhà máy phát triển, các công ty liên doanh Hàn Quốc, Nhật Bản;
- Có thể có các hình thức liên thông lên Cao đẳng, đại học.

#### 8.5.4. Tỷ lệ HCS sinh có việc làm sau tốt nghiệp

HCS sinh sau khi tốt nghiệp có việc làm ứng dụng nghề nghiệp tỷ lệ 95%.

#### 8.5.5. Mức lương tối thiểu

Mức lương từ 2 triệu – 5 triệu đồng.



### 8.6. Trung cấp nghề Sửa chữa thiết bị điện tử

#### 8.6.1. Kỹ năng nghề nghiệp

Sau khi tốt nghiệp sinh viên tốt nghiệp theo tiêu chuẩn Nhật Bản.

- Thiết kế, lắp ráp, sửa chữa bảo dưỡng các chi tiết các thiết bị điện tử trong công nghiệp và dân dụng (Tủ máy điều khiển, hệ thống in ấn, máy tính, máy fax...)
- Viết chương trình điều khiển cho PLC, vi điều khiển.
- Thiết kế, lắp đặt, bảo dưỡng sửa chữa các thiết bị điện tử khí nén.
- Vận hành các thiết bị điện tử trong công nghiệp, dân dụng...

#### 8.6.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Là kỹ thuật viên tại các nhà máy xí nghiệp liên doanh với nước ngoài và trong nước.
- Hiện tại đã có hàng trăm học sinh là kỹ thuật viên hoặc quản lý kỹ thuật tại các công ty liên doanh Nhật Bản như: BEMAC, SATO, SANTOMAS, MUTO, CANON... và tự nghiệp sinh tại Nhật Bản, Hàn Quốc...

#### 8.6.3. Cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp



- Có thể tham gia lên các vị trí như: Trưởng nhóm, nhóm trưởng sản xuất, Quản lý phân xưởng...
- Có thể có các hình thức liên thông lên Cao đẳng, Đại học.

8.6.4. Tỷ lệ học sinh có việc làm sau tốt nghiệp  
 Học sinh sau khi tốt nghiệp có việc làm ứng dụng tốt đạt trên 95%.

8.6.5. Mức lương tốt nghiệp  
 Từ 3 đến 8,5 triệu đồng.

## 9. CẤP ĐỘ, TCN, SCNS ĐANG CÔNG NGHỆ HÀN QUỐC

(Chương trình hợp tác giữa Viện Công nghệ Hàn Quốc – BaekSuk Hyundai Hàn Quốc)

### 9.1. Cao đẳng nghề Hàn

#### 9.1.1. Kiến thức nghề nghiệp

- + Tính toán kỹ thuật hàn, chế tạo hàn, vận hành, vận chuyển li u hàn;
- + Thiết kế quy trình công nghệ hàn;
- + Hàn bằng các phương pháp hàn thủ công, bán tự động (TIG-MIG-MAG), tự động (SAW) và hàn áp lực theo quy trình hoàn chỉnh, đảm bảo tính thẩm mỹ, độ bền và an toàn;
- + Kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm; đưa ra các giải pháp kỹ thuật nhằm đảm bảo chất lượng hàn;
- + Quản lý và chi phối quá trình sản xuất, các dịch vụ kỹ thuật có liên quan đến lĩnh vực hàn;
- + Làm việc cá nhân và làm việc nhóm;
- + Giao tiếp tốt trong công việc.



#### 9.1.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể làm việc tại các doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ; các công ty dầu khí, lắp máy, đóng tàu, xây dựng, sản xuất ô tô xe máy,... Làm việc cho các công ty Việt Nam, công ty liên doanh, công ty nước ngoài; làm việc trong nước hoặc đi làm việc nước ngoài (Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, UAE,...).

- Giáo viên dạy nghề trong các cơ sở đào tạo nghề.

#### 9.1.3. Hình thức tham gia trong nghề nghiệp

- Trưởng, quản lý, giám sát;
- Có thể có các hình thức liên thông lên Đại học.

#### 9.1.4. Tỷ lệ Sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm ứng dụng tốt đạt 95%.

#### 9.1.5. Mức lương tốt nghiệp

- + Trong nước: 3,5 ~ 7 triệu đồng.
- + Nước ngoài (đảm bảo chi phí nhà ở, đi lại):
- Trung bình 10~18 triệu đồng;
- Hàn Quốc, Nhật Bản: 15~20 triệu đồng.



### 9.2. Trung cấp nghề Hàn

#### 9.2.1. Kiến thức nghề nghiệp

- Tính toán chế tạo hàn, vận hành, vận chuyển li u hàn;
- Lắp quy trình hàn;

- Hàn bằng các phương pháp hàn thủ công (SMAW), bán tự động (TIG-MIG-MAG), tự động (SAW) và hàn nguội theo quy trình hoàn chỉnh, đảm bảo tính thẩm mỹ, tiết kiệm và an toàn;
- Kiểm tra, đánh giá khuyết tật; áp dụng các biện pháp khắc phục nhằm nâng cao chất lượng hàn;
- Thiết kế sản xuất;
- Làm việc cá nhân và làm việc nhóm;
- Giao tiếp tốt trong công việc.

#### 9.2.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp học sinh có thể làm việc tại các doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ, các công ty du lịch, lắp máy, đóng tàu, xây dựng, sản xuất ô tô xe máy,... Làm việc cho các công ty Việt Nam, công ty liên doanh, công ty nước ngoài; làm việc trong nước hoặc đi làm việc nước ngoài (Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, UAE,...).

#### 9.2.3. Hình thức tuyển dụng trong nghề

- Tuyển nhóm, tuyển bộ phận, tuyển cục;
- Có thể có hình thức liên thông lên Cao đẳng, Đại học.

#### 9.2.4. Tỷ lệ học sinh có việc làm sau tốt nghiệp

Học sinh sau khi tốt nghiệp có việc làm ứng tuyển đạt trên 90%.

#### 9.2.5. Mức lương

- Trong nước: 3 ~ 6 triệu u.
- Nước ngoài (đã trừ chi phí):
  - + Trung Đông: 10~18 triệu u.
  - + Hàn Quốc, Nhật Bản: 15~20 triệu u.



### 9.3. Sơ lược nghề Hàn

#### 9.2.1. Kiến thức nghề nghiệp

- Lựa chọn thiết bị và công nghệ hàn phù hợp;
- Chuẩn bị các dụng cụ cần thiết;
- Hàn các mối hàn theo mô đun ào tạo theo yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo tính thẩm mỹ, tiết kiệm và an toàn;
- Các phương pháp hàn: Hàn quang tay (SMAW), Hàn MIG/MAG (GMAW), Hàn TIG (GTAW), Hàn dây lõi than (FCAW), Hàn tự động dây (SAW), Hàn nguội, Hàn - cắt khí. Về các vật liệu: Thép các bon, thép không gỉ (Inox), nhôm, đồng, titan; các trình ào tạo: 1F ~ 4F; 1G ~ 6G.
- Phát hiện và xử lý khuyết tật hàn;
- Kỹ năng tìm việc làm, tìm kiếm nâng cao tay nghề.

#### 9.2.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp học sinh có thể làm thợ hàn chính tại các doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ, các công ty du lịch, lắp máy, đóng tàu, xây dựng, sản xuất ô tô xe máy,... Làm việc cho các công ty Việt Nam, công ty liên doanh, công ty nước ngoài; làm việc trong nước hoặc đi làm việc nước ngoài (Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, UAE,...).

#### 9.2.3. Hình thức tuyển dụng trong nghề

- Tuyển công nhân kỹ thuật sau khi tích lũy các mô đun trong chương trình.
- Trở thành nhà nghề

#### 9.2.4. Tỷ lệ học sinh có việc làm sau tốt nghiệp

Học sinh sau khi tốt nghiệp có việc làm ứng tuyển đạt trên 95%.

#### 9.2.5. Mức lương

- Tu theo mô đun ào tạo:
- Làm việc trong nước: 2,5~6 triệu u.
- Làm việc nước ngoài:
  - + Trung Đông 10~18 triệu u.
  - + Hàn Quốc, Nhật Bản: 15~20 triệu u.

## 10. L TRÌNH VIÊN QU C T APTech

(Chương trình hợp tác giữa Công nghiệp Hà Nội – Tập đoàn giáo dục Aptech Việt Nam)

### 10.1. Ngành Phát triển phần mềm



- 10.1.1. K n ng ngh nghi p
- Chuyên viên l p trình – thi t k web;
  - Chuyên viên CSDL v i SQL Server;
  - Chuyên gia công ngh .NET và Java, phát tri n các ng d ng t ng h p a ch c n ng;
  - Chuyên gia phát tri n ng d ng CSDL phân tán c p công ty;
  - K n ng c d ch tài li u k thu t b ng ti ng Anh;
  - K n ng thuy t tình, làm vi c nhóm, trao i v i chuyên gia n c ngoài.



- 10.1.2. V trí làm vi c sau t t nghi p
- L p trình viên;
  - Thi t k /phát tri n Web;
  - Qu n tr web;
  - Phát tri n n i dung;
  - Giáo viên;
  - K i m soát và m b o ch t l ng;
  - Qu n tr c s d li u;
  - H tr k thu t;
  - Qu n lý h th ng thông tin.

- 10.1.3. C h i th ng ti n trong ngh nghi p
- Tr ng nhóm d án;
  - Tr ng phòng ph n m m / c s d li u / h th ng thông tin;
  - Giám c CNTT;
  - Giám c công ty.



- 10.1.4. T l h c sinh có vi c làm sau t t nghi p
- H c sinh sau khi t t nghi p có vi c làm ứng chuyên ngành 95%.

- 10.1.5. M c l ng t c
- M c l ng t 3 tri u VN – 15 tri u VN

## 11. DU H C T I CH VIETNAM-AUSTRALIA

(Ch ng trình h p tác i h c Công nghi p Hà N i – H c vi n công ngh TAFE South Australia)

### 11.1. Công ngh thông tin

- 11.1.1. K n ng ngh nghi p
- S d ng thành th o k n ng v n phòng;
  - Chuyên viên l p trình – thi t k web;
  - Chuyên viên CSDL v i SQL Server;
  - Chuyên gia công ngh .NET và Java, phát tri n các ng d ng t ng h p a ch c n ng;
  - Chuyên gia phát tri n ng d ng CSDL ;
  - Qu n lý d án CNTT.



- 11.1.2. V trí làm vi c sau khi t t nghi p
- L p trình viên;
  - Thi t k /phát tri n Web;
  - Qu n tr web;
  - Phát tri n n i dung;
  - Giáo viên;
  - K i m soát và m b o ch t l ng;
  - Qu n tr c s d li u;
  - H tr k thu t;
  - Qu n lý h th ng thông tin.

### 11.1.3. Cấu trúc tổ chức trong ngành nghề nghiệp

- Trưởng nhóm dự án;
- Trưởng phòng phân tích dữ liệu/hệ thống thông tin;
- Giám đốc CNTT;
- Giám đốc công ty;
- Có thể có các hình thức liên thông lên thị trường.

### 11.1.4. Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm ứng dụng chuyên ngành 95%.

### 11.1.5. Mức lương tối thiểu

Mức lương từ 3 triệu – 8 triệu đồng.

## 11.2. Quản trị kinh doanh

### 11.2.1. Kiến thức ngành nghề nghiệp

- Lập kế hoạch tài chính doanh nghiệp;
- Sản phẩm thành thị trường kinh doanh nâng cao;
- Quản trị vận hành;
- Quản trị nhân sự;
- Quản trị dự án;
- Tổ chức hội thảo, hội nghị;
- Phụ trách Marketing.

### 11.2.2. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Trưởng các dự án, Marketing, Nhân sự;
- Phụ trách PR, Sales.

### 11.2.3. Cấu trúc tổ chức trong ngành

- Giám đốc điều hành;
- Giám đốc Kinh doanh;
- Có thể có các hình thức liên thông lên thị trường.

### 11.2.4. Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có việc làm ứng dụng chuyên ngành 95%.

### 11.2.5. Mức lương tối thiểu

Mức lương từ 3 triệu – 8 triệu đồng.

